

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 221/CV-DOBC

Vũng Tàu, ngày 8 tháng 05 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Về việc: **Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025**
của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)
2. Mã chứng khoán: **PXT**
3. Địa chỉ trụ sở chính: 35G, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu
4. Điện thoại: (0254) 3835 888 Fax: (0254) 3835 884
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Mai Đình Bảo** – Phó Giám đốc
6. Địa chỉ: 35G Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu
7. Điện thoại di động: 0903.901.373 Điện thoại cố định (Cơ quan): (0254) 3835 888
Fax: (0254) 3835 884
8. Loại thông tin công bố: ☐ yêu cầu ☐ bất thường ☒ định kỳ
9. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí xin công bố thông tin:

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (Biên bản số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 08/05/2025).
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/05/2025).

10. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 08/05/2025 tại đường dẫn <http://www.dobc.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công bố thông tin trên Eoffice và Website của Công ty;
- Lưu VT.



NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỔ PHẦN
XÂY LẮP ĐƯỜNG
ỐNG BỂ CHỨA
DẦU KHÍ
Mai Đình Bảo

Số: 01/BB-ĐHĐCĐ

Vũng Tàu, ngày 08 tháng 5 năm 2025

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500833615 thay đổi lần thứ 14 ngày 23/01/2024.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 35G, Đường 30/4, Phường 9, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Vào lúc 08h30 ngày 08 tháng 5 năm 2025 tại Hội trường Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC), Số 35G, Đường 30/4, Phường 9, TP Vũng Tàu, Công ty DOBC đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

I- PHẦN NGHỊ THỨC VÀ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

1- Kiểm tra tư cách cổ đông và điều kiện tiến hành Đại hội:

Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Phụng - Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông công bố biên bản thẩm tra tư cách cổ đông:

- Tổng số cổ đông theo Danh sách chốt đến ngày 04/4/2025 là: **1628** Cổ đông sở hữu **20.000.000** cổ phần Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí.
- Tổng số cổ đông và Đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội vào thời điểm 8h30 ngày 08/5/2025 là **12** Cổ đông, đại diện cho **10.485.265** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **52,43%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí.

Căn cứ Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp và Khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty thì tỷ lệ 52,43% nói trên là đủ điều kiện để tiến hành đại hội.

2- Chào cờ, Khai mạc, tuyên bố lý do:

Bà Phan Ngọc Thùy Hân – Chuyên viên Phòng Tổ chức - Hành chính thay mặt Ban tổ chức điều khiển các nghi thức chào cờ; tuyên bố lý do và nhiệt liệt chào mừng các đại biểu và các cổ đông đến dự Đại hội. Đại hội đã vinh dự được đón tiếp:

- Đại diện Lãnh đạo Công ty PVC-MS;
- Đại diện Lãnh đạo Công ty PVC-IC;

- Các Ông trong Ban thường vụ Đảng uỷ, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, lãnh đạo các Phòng/Ban, Chi nhánh – Xí nghiệp.

3- Tiến hành Đại hội:

3.1 Bà Phan Ngọc Thùy Hân thay mặt Ban tổ chức giới thiệu Đoàn Chủ tịch gồm 03 thành viên:

| Stt | Họ và tên | Chức danh | Phụ trách |
|-----|------------------|---------------------------|-----------|
| 1 | Hồ Sỹ Hoàng | Chủ tịch HĐQT | Chủ tọa |
| 2 | Phạm Văn Thu | Thành viên HĐQT, Giám đốc | Ủy viên |
| 3 | Hoàng Ngọc Triều | Thành viên độc lập HĐQT | Ủy viên |

3.2 Đoàn chủ tịch giới thiệu Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên:

| Stt | Họ và tên | Chức danh | Phụ trách |
|-----|-------------------|--------------------|------------|
| 1 | Lê Trung Can | Phó phòng KTKT | Trưởng Ban |
| 2 | Phan Anh Dũng | Chuyên viên P.TCHC | Ủy viên |
| 3 | Nguyễn Thị Cẩm Tú | Chuyên viên P.KTKT | Ủy viên |

Đại hội đã nhất trí 100% bầu Ban kiểm phiếu như trên.

3.3 Đoàn chủ tịch đã cử Ban thư ký gồm 02 thành viên:

| Stt | Họ và tên | Chức danh | Phụ trách |
|-----|----------------------|---------------------------------|------------|
| 1 | Đặng Quyết Thắng | Người quản trị, TP. TCHC | Trưởng ban |
| 2 | Nguyễn Thị Hoàng Thi | Thư ký HĐQT, Thư ký BGĐ-PP.TCHC | Ủy viên |

4-Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc tại Đại hội :

Đại hội đã nghe Ông Hoàng Ngọc Triều - Ủy viên độc lập HĐQT, thay mặt Ban tổ chức trình bày chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức họp tại Đại hội.

Đại hội đã nhất trí 100% thông qua chương trình và Quy chế tổ chức họp tại Đại hội.

II- NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI:

Đại hội đã nghe các Báo cáo và Tờ trình sau :

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 (Do ông Hồ Sỹ Hoàng - Chủ tịch HĐQT trình bày).

2. Báo cáo của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT (do ông Hoàng Ngọc Triều - Thành viên độc lập HĐQT trình bày)

3. Báo cáo kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 (Do ông Phạm Văn Thu – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty trình bày).

4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 (Do bà Nguyễn Thị Phụng - Trưởng Ban kiểm soát trình bày).

5. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán (Do ông Mai Đình Bảo - Phó giám đốc Công ty trình bày) .

6. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 (Do ông Phạm Văn Thu – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty trình bày).

7. Tờ trình thông qua quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025 (Do ông Mai Đình Bảo - Phó Giám đốc Công ty trình bày).

8. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025 (Do bà Nguyễn Thị Phụng - Trưởng Ban kiểm soát trình bày).

III- THẢO LUẬN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI:

Các cổ đông đã nêu một số câu hỏi về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch, tài chính của DOBC và Đoàn chủ tịch đã trả lời đầy đủ các nội dung câu hỏi của cổ đông tại Đại hội.

IV- PHẦN BIỂU QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI:

Đoàn Chủ tịch lần lượt nêu các nội dung để Đại hội biểu quyết. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu biểu quyết do Ban kiểm phiếu thực hiện, các nội dung được Đại Hội đồng cổ đông thông qua gồm:

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo số 07/BC-HĐQT ngày 15/4/2025 về hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị và Kế hoạch năm 2025.

Tổng số cổ phần biểu quyết:

- **Tán thành** là 10.485.265 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.
- **Không tán thành** là : 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.
- **Không có ý kiến** là : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo số 168/BC-DOBC ngày 15/4/2025 về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

Tổng số cổ phần biểu quyết:

- **Tán thành** là 10.485.265 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.
- **Không tán thành** là : 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.
- **Không có ý kiến** là : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.

Nội dung 3: Thông qua Báo cáo số 169/DOBC-BKS ngày 15/4/2025 về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025.

Tổng số cổ phần biểu quyết:

- **Tán thành** là 10.485.265 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.
- **Không tán thành** là: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.

- **Không có ý kiến** là : **0 cổ phần**, chiếm tỷ lệ **0%** tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.

Nội dung 4: Thông qua Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 15/4/2025 về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024.

Tổng số cổ phần biểu quyết:

- **Tán thành** là **10.485.265 cổ phần**, chiếm tỷ lệ **100 %** tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.
- **Không tán thành** là : **0 cổ phần** chiếm tỷ lệ **0%** tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.
- **Không có ý kiến** là : **0 cổ phần**, chiếm tỷ lệ **0%** tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.

Nội dung 5: Thông qua Tờ trình số 09/TTr-HĐQT ngày 15/4/2025 về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.

Tổng số cổ phần biểu quyết:

- **Tán thành** là **10.485.265 cổ phần**, chiếm tỷ lệ **100 %** tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.
- **Không tán thành** là : **0 cổ phần** chiếm tỷ lệ **0%** tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.
- **Không có ý kiến** là : **0 cổ phần**, chiếm tỷ lệ **0%** tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.

Nội dung 6: Thông qua Tờ trình số 10/TTr- HĐQT ngày 15/4/2025 về quyết toán tiền lương, thù lao năm 2024 và phương án chi trả tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Tổng số cổ phần biểu quyết:

- **Tán thành** là **10.485.265 cổ phần**, chiếm tỷ lệ **100 %** tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.
- **Không tán thành** là : **0 cổ phần** chiếm tỷ lệ **0%** tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.
- **Không có ý kiến** là : **0 cổ phần**, chiếm tỷ lệ **0%** tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.

Nội dung 7: Thông qua Tờ trình số 170/TTr-DOBC ngày 15/4/2025 về phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

Tổng số cổ phần biểu quyết:

- **Tán thành** là **10.485.265 cổ phần**, chiếm tỷ lệ **100 %** tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.
- **Không tán thành** là : **0 cổ phần** chiếm tỷ lệ **0%** tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.
- **Không có ý kiến** là : **0 cổ phần**, chiếm tỷ lệ **0%** tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Điều 20 Điều lệ Công ty, các tỷ lệ biểu quyết tán thành trên là phù hợp và đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí.

V- THÔNG QUA BIÊN BẢN/ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Thay mặt Ban thư ký, ông Đặng Quyết Thắng lên trình bày Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội. Đại hội đã nhất trí biểu quyết thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội:

Tổng số cổ phần biểu quyết:

- **Tán thành là: 10.485.265 cổ phần, chiếm, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.**
- **Không tán thành là : 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.**
- **Không có ý kiến là : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.**

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí được lập xong vào lúc 11 giờ 20 phút ngày 08 tháng 5 năm 2025.

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Đặng Quyết Thắng



Nguyễn Thị Hoàng Thi

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Hồ Sỹ Hoàng

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 08 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 30/6/2021;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo số 07/BC-HĐQT ngày 15/4/2025 về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và Kế hoạch năm 2025.

Điều 2. Thông qua Báo cáo số 168/BC-DOBC ngày 15/4/2025 về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025, trong đó có một số nội dung chủ yếu như sau:

2.1 Về kết quả SXKD năm 2024:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện cả năm 2024 |
|-----|------------------------|--------------------------|-----------------------|
| 1 | Giá trị sản lượng | Tỷ đồng | 119,07 |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 103,40 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 1,220 |
| 4 | Đầu tư | Tỷ đồng | - |
| 5 | Nộp ngân sách nhà nước | | |
| 5.1 | Số phải nộp NSNN | Tỷ đồng | 6,330 |
| 5.2 | Số đã nộp NSNN | Tỷ đồng | 14,62 |
| 6 | Thu nhập bình quân | Triệu (đồng/ng/tháng) | 8,00 |

2.2 Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2025 |
|----|---------------------------------|-------------|-------------------|
| 1 | Giá trị sản lượng | Tỷ đồng | 147 |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 113 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 1,3 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 1,3 |
| 5 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 4,53 |
| 6 | Thu nhập bình quân người /tháng | Triệu đồng | 8,00 |

Điều 3. Thông qua Báo cáo số 169/DOBC-BKS ngày 15/4/2025 về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025.

Điều 4. Thông qua Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 15/4/2025 về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024.

Điều 5. Thông qua Tờ trình số 09/TTr-HĐQT ngày 15/4/2025 về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.

Điều 6. Thông qua Tờ trình số 10/TTr- HĐQT ngày 15/4/2025 về quyết toán tiền lương, thù lao năm 2024 và kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

I. Quyết toán tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2024 (Thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024): 694.682.165 đồng

1. Tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị: 442.247.599 đồng, trong đó:

- Tổng tiền lương, thù lao của HĐQT: 379.747.599 đồng
- Tổng thù lao HĐQT độc lập: 62.500.000 đồng

2. Tiền lương, thù lao cho Ban kiểm soát: 252.434.566 đồng, trong đó:

- Tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát: 227.434.566 đồng
- Tổng thù lao của BKS kiêm nhiệm: 25.000.000 đồng

II. Phương án chi trả tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025:

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và số lượng thành viên Ban kiểm soát theo điều lệ quy định và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí;

Do tình hình công việc trong năm 2025 sẽ còn gặp nhiều khó khăn, nên HĐQT đề xuất việc chi trả tiền lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

3

Vũng tàu, ngày 08 tháng 5 năm 2025



**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

| STT | Thời gian | Nội dung |
|-----|-------------|---|
| 1 | 8h30-9h00 | Tiếp đón Đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông |
| 2 | 9h00-9h10 | Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông đọc biên bản kiểm tra, tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội |
| 3 | 9h10-9h30 | <ul style="list-style-type: none">- Khai mạc, chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu- Giới thiệu Đoàn chủ tịch Đại hội- Giới thiệu Ban thư ký- Thông qua Ban kiểm phiếu, chương trình họp, Quy chế tổ chức họp tại Đại hội. |
| 4 | 9h30-10h30 | <p>Các nội dung trình bày trước Đại hội để xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch năm 2025;2. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch năm 2025;3. Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025;4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025;6. Tờ trình báo cáo tình hình chi trả tiền lương, thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025;7. Tờ trình lựa chọn Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025; <ul style="list-style-type: none">- Đại hội thảo luận các nội dung trên- Giải đáp câu hỏi của cổ đông- Lãnh đạo cấp trên phát biểu |
| 5 | 10h30-10h50 | Biểu quyết thông qua từng nội dung |
| 6 | 10h50-11h00 | Đại hội nghỉ giải lao |
| 7 | 11h00-11h10 | Công bố kết quả biểu quyết |
| 8 | 11h10-11h20 | Thông qua Biên bản/Nghị quyết Đại hội |
| 9 | 11h20-11h30 | Bế mạc Đại hội |

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 4 năm 2025

QUY CHẾ
LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (Sau đây gọi là Đại hội) của Công ty Cổ phần Xây lập Đường ống Bể chứa Dầu khí.

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông (cổ đông/đại diện cổ đông) tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội

3.1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Các cổ đông của Công ty DOBC theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 895/2025-PXT/VSDC-ĐK do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt ngày 04/04/2025 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

3.2. Quyền của cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội

- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty.

- Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình đến tham dự và biểu quyết tại Đại hội cổ đông.

- Ban tổ chức sẽ công bố công khai toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Tất cả các cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông.

- Tại Đại hội, cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự Đại hội cần mang theo giấy tờ sau:

- + Thông báo mời họp/Thư mời họp;
- + Thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (bản gốc);

+ Giấy ủy quyền có các nội dung chính theo mẫu do Công ty ban hành (Trường hợp được ủy quyền tham dự).

(Trường hợp cổ đông là cá nhân, Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì Giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản của người ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)).

- Cổ đông, đại diện cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử (trên phiếu có ghi mã cổ đông, nội dung biểu quyết và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình). Giá trị biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông, đại diện cổ đông có mặt tại Đại hội.

- Cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự Đại hội sau khi nghe báo cáo các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và cùng thông qua từng phần bằng biểu quyết.

- Cổ đông, đại diện cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tịch đoàn không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

- Để đảm bảo tỷ lệ phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử trong quá trình diễn ra Đại hội, cổ đông hạn chế ra ngoài, trong trường hợp cổ đông có nhu cầu ra ngoài hoặc về sớm không trực tiếp tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền thì cổ đông phải thông báo với Ban tổ chức Đại hội để làm thủ tục ủy quyền. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

3.3 Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội

- Tham gia hoặc ủy quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ của Công ty.

- Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung đúng vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung của Chương trình Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được cổ đông trước phát biểu không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội có thể ghi các nội dung vào Phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban thư ký Đại hội.

- Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi đến tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.

- Nghiêm túc chấp hành nội quy tại Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội

- Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội do Công ty thành lập. Ban thẩm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm tiếp nhận giấy tờ của các cổ đông tới tham dự Đại hội, đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự đại hội đã chốt tại thời điểm ngày 04/04/2025; Phát các tài liệu và Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết cho các cổ đông đến dự.

- Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo trước Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch

- Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn và là Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa cuộc họp đề cử Ban tổ chức (gồm: Đoàn chủ tịch, Ban thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu để Đại hội thông qua).
- Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội đồng cổ đông sẽ có tính phán quyết cao.
- Đoàn Chủ tịch được bầu ra tại đại hội có quyền:
 - + Điều hành các hoạt động của Đại hội theo nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua; Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội diễn ra có trật tự, phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
 - + Hướng dẫn các đại biểu và cổ đông thảo luận;
 - + Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - + Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký Đại hội

- Ban thư ký của Đại hội do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và lấy ý kiến thông qua tại Đại hội; Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn chủ tịch.
- Nhiệm vụ của Ban thư ký:
 - + Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội;
 - + Tiếp nhận Phiếu góp ý/ Đặt câu hỏi của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch giải đáp.
 - + Trình bày dự thảo Biên bản Đại hội/ Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - + Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết.
 - + Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông tại Đại hội.
 - + Thực hiện thủ tục kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu thành viên HĐQT.
 - + Thực hiện kiểm Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết các vấn đề được đưa ra để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua
 - + Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội;
 - + Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH TẠI ĐẠI HỘI

Điều 8. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt ngày 04/04/2025.

Điều 9. Trật tự của Đại hội

- Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề;
- Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định; Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa và Ban tổ chức Đại hội.
- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- Không nói chuyện riêng và không sử dụng điện thoại trong khi diễn ra Đại hội. Điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ rung.

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội

- Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.
- Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 11 của Quy chế này.
- Đại hội bế mạc sau khi Nghị quyết Đại hội được thông qua.

Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện.
- Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để tán thành, hoặc không tán thành, hoặc ý kiến khác một vấn đề được trình bày tại Đại hội, bằng cách giơ Thẻ biểu quyết lên cao, mặt trước hướng về Đoàn chủ tịch.
- Mỗi Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (tán thành hoặc không tán thành hoặc ý kiến khác) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
- Việc xác định tỷ lệ biểu quyết mỗi vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo hình thức tính bằng số cổ phần biểu quyết.
- Kết quả biểu quyết/ bầu cử được ghi thành biên bản kiểm phiếu và được công bố tại Đại hội.

Điều 12. Thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về việc: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.
- Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác sẽ được thông qua khi có từ 51% tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.

Điều 13. Thảo luận tại Đại hội

13.1 Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông.

- Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu.

- Phát biểu ngắn gọn, tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi và phù hợp với chương trình.

- Cổ đông có thể viết vào Phiếu góp ý/ Đặt câu hỏi và chuyển cho Thư ký Đại hội để chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;

13.2 Giải đáp ý kiến của các cổ đông

- Trên cơ sở các câu hỏi của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông.

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau Đại hội bằng văn bản.

CHƯƠNG IV KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 14. Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được thư ký Đại hội ghi vào Biên bản. Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu trữ tại hệ thống văn thư của Công ty.

CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Thi hành Quy chế

Quy chế này gồm 5 Chương và 15 Điều được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT, HĐQT.



Số 07/BC-HDQT

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Về việc: Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2024 và kế hoạch năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2024, kinh tế Việt Nam đang dần ổn định, ngành dầu khí trên đà tăng trưởng trở lại. Tuy nhiên, Công ty DOBC còn gặp nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD do chịu ảnh hưởng các tổn động từ những năm trước như: thiếu vốn, năng lực cạnh tranh thấp, hạn chế trong công tác quản trị....

Tiếp thị đấu thầu trong và ngoài ngành của Công ty còn hạn chế về năng lực nhân sự, máy móc thiết bị và khả năng tài chính hạn hẹp để tham gia các gói thầu mua sắm. Ngoại ngữ của một số CBCNV trong công ty còn yếu, dẫn đến hạn chế việc tham gia đấu thầu. Năm 2024, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện các phần việc chuyển tiếp từ các năm trước và một số gói thầu nhỏ tại Dự án Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1, Long Phú 1, Uông Bí – Quảng Ninh.

Mặc dù còn nhiều khó khăn thách thức nêu trên, tuy nhiên Công ty DOBC luôn nhận được sự ủng hộ, quan tâm của cổ đông lớn là Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, sự phối hợp với các đơn vị thành viên trong Tổng công ty, sự đồng lòng, quyết tâm của tập thể Ban lãnh đạo và CBCNV. Năm 2024 DOBC không đạt được sản lượng, doanh thu như kế hoạch nhưng lợi nhuận Công ty đã vượt chỉ tiêu đề ra.

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

1. Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Trong năm 2024, HĐQT Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Phối hợp tham gia cùng Ban giám đốc thực hiện tiếp thị đấu thầu và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám đốc thực hiện nhiệm vụ SXKD, cùng Ban giám đốc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác thi công tại các công trình/dự án. Kết quả thực hiện hoạt động SXKD của Công ty cụ thể như sau:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2023 | Năm 2024 | | Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm 2024 | Tỷ lệ năm 2024 so với 2023 |
|----|-------------------|-------------|--------------------|---------------------------|-----------|------------------------------------|----------------------------|
| | | | | Kế hoạch ĐHĐ CĐ thông qua | Thực hiện | | |
| 1 | Giá trị sản lượng | Tỷ đồng | 110,73 | 150 | 119,07 | 79% | 108% |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2023 | Năm 2024 | | Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm 2024 | Tỷ lệ năm 2024 so với 2023 |
|-----|------------------------|------------------|--------------------|---------------------------|-----------|------------------------------------|----------------------------|
| | | | | Kế hoạch ĐHD CĐ thông qua | Thực hiện | | |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 104,57 | 140 | 103,40 | 74% | 99% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 1,011 | 1,2 | 1,220 | 102% | 121% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 1,011 | 1,2 | 1,220 | 102% | 121% |
| 5 | Đầu tư | Tỷ đồng | 0 | 0 | | | |
| 6 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | | | | | |
| 6.1 | Số phải nộp | Tỷ đồng | 6,22 | 6 | 6,330 | 106% | 102% |
| 6.2 | Số đã nộp | Tỷ đồng | 2,84 | | 14,62 | | 514% |
| 7 | Thu nhập bình quân | Triệu đồng/tháng | 7,5 | 7,5 | 8,00 | 107% | 107% |

- **Giá trị sản lượng:** Thực hiện năm 2024 là 119,07 tỷ đồng, đạt 79% (119,07/150 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2024, đạt 108% (119,07 /110,73 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2023.

- **Doanh thu:** Thực hiện năm 2024 là 103,40 tỷ đồng, đạt 74% (103,40/140 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2024, đạt 99% (103,40/104,56 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2023.

- **Lợi nhuận:** Thực hiện năm 2024 là 1,220 tỷ đồng, đạt 102% (1,220/1,2 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2024, đạt 121% (1,220 /1,011 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2023.

- **Đầu tư:** Trong năm 2024 Công ty không thực hiện đầu tư để dùng nguồn vốn phục vụ cho SXKD.

- **Nộp ngân sách nhà nước:** Số phải nộp năm 2024 là 6,33 tỷ đồng, đạt 106% (6.33/6 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2024. Số đã nộp NSNN trong năm 2024 là 14,62 tỷ đồng.

- **Lương bình quân:** Thực hiện năm 2024 là: 8,00 triệu/người/tháng, đạt 107% kế hoạch năm 2024.

- **Tiết giảm chi phí năm 2024:** 600 triệu đồng

2. Các hoạt động của HĐQT năm 2024

2.1 Tổng các cuộc họp và các quyết định của HĐQT

Ngay từ đầu năm, xác định rõ những khó khăn thách thức, HĐQT Công ty đã nỗ lực tìm mọi giải pháp, nguồn lực chỉ đạo quyết tâm phấn đấu để đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đề ra.

Trong năm 2024, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã kiện toàn nhân sự thành viên Hội đồng quản trị. Hiện nay, HĐQT Công ty gồm 3 thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT, 01 thành viên kiêm nhiệm Giám đốc Công ty và 01 thành viên độc lập.

Trong năm 2024, HĐQT Công ty đã tổ chức 08 phiên họp thường kỳ và 13 lần lấy phiếu ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, đã thông qua 12 Nghị quyết và 10 Quyết định và các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến hoạt động của DOBC. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong năm 2024 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị của Công ty số 02/BC-HĐQT ngày 20/01/2025 gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và công bố trên website của Công ty.

* Tổng kết các cuộc họp của HĐQT Công ty năm 2025.

| TT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|----|------------------|--------------------------|-------------------|---------------------------------------|
| 1 | Hồ Sỹ Hoàng | 09/09 | 100% | |
| 2 | Lê Hưng | 03/09 | 33,33% | Thôi TV độc lập HĐQT kể từ 21/05/2024 |
| 3 | Trần Vũ Phụng | 03/09 | 33,33% | Thôi TV HĐQT kể từ 21/05/2024 |
| 4 | Phạm Văn Thu | 06/09 | 66,66% | TV HĐQT kể từ 21/05/2024 |
| 5 | Hoàng Ngọc Triều | 06/09 | 66,66% | TV độc lập HĐQT kể từ 21/05/2024 |

Ngoài các cuộc họp định kỳ, bất thường, HĐQT thường xuyên tham gia vào các cuộc họp cùng Ban giám đốc để giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tình hình triển khai thực hiện các công trình/ dự án Công ty đang thực hiện.

* Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT Công ty năm 2024.

| ST T | Số Nghị Quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----------------------|---------------------------|------------|---|-----------------|
| I - NGHỊ QUYẾT | | | | |
| 1 | 02/NQ-HĐQT | 12/01/2024 | Công tác cán bộ (ông Phạm Văn Thu thôi giữ chức Giám đốc CN Xí nghiệp Xây lắp số 2) | 100% |
| 2 | 04/NQ-HĐQT | 22/01/2024 | Chấp thuận vay tiền cá nhân để trả nợ thuế cho Cục thuế tỉnh BRVT | 100% |
| 3 | 05/NQ-HĐQT | 05/02/2024 | Chấp thuận bổ nhiệm cán bộ giữ chức Giám đốc CN Xí nghiệp Xây lắp số 2 | 100% |
| 4 | 07/NQ-HĐQT | 08/03/2024 | Công tác cán bộ (ông Nguyễn Quế thôi giữ chức Trưởng P.TCHC) | 100% |
| 5 | 08/NQ-HĐQT | 01/04/2024 | Chấp thuận bổ nhiệm cán bộ giữ chức Trưởng P.TCHC | 100% |
| 6 | 09/NQ-HĐQT | 03/04/2024 | Gia hạn thời gian và kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 | 100% |
| 7 | 12/NQ-HĐQT | 13/05/2024 | Thông qua tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 | 100% |

| ST T | Số Nghị Quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|------------------------|---------------------------|------------|--|-----------------|
| 8 | 14/NQ-HĐQT | 17/05/2024 | Chấp thuận giới thiệu nhân sự bầu làm thành viên HĐQT | 100% |
| 9 | 15/NQ-HĐQT | 28/05/2024 | Quyết toán chi phí quản lý năm 2023 và kế hoạch chi phí quản lý năm 2024 | 100% |
| 10 | 16/NQ-HĐQT | 10/06/2024 | Thông qua việc nhận cấp tín dụng và tài sản đảm bảo tại NH TMCP Hàng hải Việt Nam - CNVT | 100% |
| 11 | 18/NQ-HĐQT | 16/08/2024 | Thông qua việc nhận cấp tín dụng và tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam – CN Vũng Tàu | 100% |
| 12 | 19/NQ-HĐQT | 05/09/2024 | Đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD 9 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2024 và một số công tác khác | 100% |
| II- QUYẾT ĐỊNH: | | | | |
| 1 | 06/QĐ-HĐQT | 11/01/2024 | Bổ nhiệm Giám đốc Công ty DOBC | 100% |
| 2 | 07/QĐ-HĐQT | 03/04/2023 | Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 | 100% |
| 3 | 08/QĐ-HĐQT | 22/04/2024 | Sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương, trả thưởng | 100% |
| 4 | 10/QĐ-HĐQT | 08/05/2024 | Thành lập Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 | 100% |
| 5 | 11/QĐ-HĐQT | 23/05/2024 | Phân công nhiệm vụ cho các TV HĐQT | 100% |
| 6 | 12/QĐ-HĐQT | 04/06/2024 | Phê duyệt đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán soát xét Báo cáo giữa niên độ và kiểm toán báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2024 | 100% |
| 7 | 15/QĐ-HĐQT | 12/08/2024 | Phê duyệt và ban hành Quy chế công bố thông tin | 100% |
| 8 | 18/QĐ-HĐQT | 05/09/2024 | Phê duyệt và ban hành Quy chế tiền lương | 100% |
| 9 | 21/QĐ-HĐQT | 27/09/2024 | Phê duyệt điều chỉnh hệ số lương chức danh | 100% |
| 10 | 23/QĐ-HĐQT | 30/12/2024 | Phê duyệt đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn CBTT hàng năm trên thị trường chứng khoán | 100% |

2.2 Hoạt động của các thành viên HĐQT:

* Thông tin về các thành viên HĐQT tính đến thời điểm 31/12/2024

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập | |
|-----|------------------|-----------------|---|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Hồ Sỹ Hoàng | Chủ tịch HĐQT | 29/11/2022 | |
| 2 | Lê Hưng | TV độc lập HĐQT | 19/7/2022 | 21/05/2024 |
| 3 | Trần Vũ Phụng | TV HĐQT | 28/4/2023 | 21/05/2024 |
| 4 | Phạm Văn Thu | TV HĐQT | 21/05/2024 | |
| 5 | Hoàng Ngọc Triều | TV độc lập HĐQT | 21/05/2024 | |

Các thành viên HĐQT đã thực hiện vai trò và nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Quy chế của HĐQT và các quy định khác của

pháp luật có liên quan trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của DOBC cũng như việc giám sát nhiệm vụ quản lý, điều hành của Ban giám đốc thông qua việc:

- Tham gia tất cả các hoạt động của HĐQT.
- Tham gia hoặc ủy quyền tham gia các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp khác.
- Có ý kiến tại Phiếu lấy ý kiến để HĐQT thống nhất ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản của HĐQT.
- Trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực cụ thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của DOBC.

2.3 Báo cáo tiền lương/thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm 2024

- Tiền lương/thù lao của HĐQT năm 2024 là: 442.247.599 đồng.
- Chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2024 là: 22.200.000 đồng, tuân thủ theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ của DOBC và các quy định hiện hành.

2.4 Kế hoạch tiền lương/thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị Công ty năm 2025

- Tiền lương và thù lao của Thành viên HĐQT chuyên trách: Thực hiện theo quy chế trả lương trả thưởng của Công ty phù hợp với hiệu quả SXKD của đơn vị và Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ Việt Nam.

- Thù lao của thành viên HĐQT không chuyên trách, không hưởng lương của Công ty: không quá 5.000.000 đồng/người/tháng.

- Thù lao của thành viên độc lập HĐQT:

+ Trường hợp Thành viên độc lập HĐQT làm việc thường xuyên theo chế độ làm việc của Công ty được chi trả tiền lương và các chế độ khác theo chế độ áp dụng đối với Thành viên HĐQT chuyên trách là Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại DOBC.

+ Trường hợp Thành viên độc lập HĐQT làm việc không thường xuyên tại cơ quan Công ty (không chuyên trách) được hưởng mức thù lao là 5.000.000 đồng/người/tháng.

2.5 Báo cáo về các giao dịch của Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó

- Trong năm 2024, các Thành viên HĐQT và những người có liên quan không có giao dịch với Công ty và các Chi nhánh Xí nghiệp trực thuộc Công ty;

- Trong năm 2024, Công ty không có giao dịch với các Công ty mà Thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2.6. Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT và kết quả đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT

Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT trong năm 2024:

- Thành viên độc lập HĐQT làm việc theo chế độ không thường xuyên.
- Thành viên độc lập HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, trả lời đầy đủ các phiếu xin ý kiến của HĐQT.

- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc của HĐQT, Quyết định phân công nhiệm vụ của các Thành viên HĐQT.

2.7 Kết quả giám sát đối với Giám đốc và các thành viên trong Ban giám đốc

- HĐQT giám sát Ban giám đốc để triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT đề ra. Các thành viên trong Ban giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành các dự án lớn.

- Giám đốc có phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho các Phó giám đốc.

- Ban giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các văn bản chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ theo Điều lệ của Công ty, các quy định của pháp luật hiện hành.

- Ban giám đốc tổ chức họp giao ban thường xuyên để triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD và các mặt công tác khác.

- Ban giám đốc đã quyết liệt và có nhiều giải pháp để tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc trong triển khai thực hiện tại các công trình, dự án, đặc biệt là Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình;

- Ban giám đốc đã thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD, có nhiều giải pháp kịp thời để nâng cao công tác điều hành, quản lý và tiết giảm chi phí.

- Ban giám đốc thường xuyên chỉ đạo rà soát lại các quy chế nội bộ của Công ty để chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

2.8 Đánh giá chung:

a. Kết quả đạt được:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Về kết quả sản xuất kinh doanh: Trong năm 2024, mặc dù DOBC không đạt được sản lượng, doanh thu như kế hoạch đề ra nhưng đây là năm thứ 3 liên tiếp DOBC làm ăn có lãi (số liệu được thể hiện tại Mục 1. Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024).

- Với nỗ lực không ngừng của toàn thể lãnh đạo và CBCNV Công ty, năm 2024, Công ty đã nộp BHXH 7,305 tỷ đồng, nộp thuế 14,623 tỷ đồng, rút ngắn việc tồn đọng nợ thuế nợ bảo hiểm bị kéo dài nhiều năm liền. Chốt sổ bảo hiểm cho CBCNV đã chấm dứt HĐLĐ là 68 người. Trong năm 2025, Công ty phấn đấu cố gắng chấm dứt việc nợ thuế nợ bảo hiểm và nỗ lực nộp thuế, bảo hiểm đúng hạn.

- Công tác đầu tư năm 2024:

+ Trong năm 2024, Công ty không thực hiện đầu tư, vì để nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD. Ngoài ra, các công trình tiếp thị / hoặc trúng thầu chưa được nhiều, nên Công ty cũng không thực hiện đầu tư mua sắm thêm máy móc thiết bị thi công.

+ Đối với văn phòng tại tầng 6, tòa nhà Victory. Số 12, Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn phòng tầng 6): Công ty đã cho 03 đơn vị thuê hết diện tích 1096.6m² tại Văn phòng tầng 6, với thời gian thuê là 5 năm.

- Công tác tiếp thị đấu thầu:

+ Trong năm 2024 Công ty DOBC ký được 16 hợp đồng và phụ lục với giá trị là giá trị là 82,016 tỷ đồng. Trong đó, dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: 55 tỷ đồng; Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I: 21,918 tỷ đồng; Cung cấp vật tư phụ, nhân công thực hiện tháo dỡ, lắp đặt thiết bị, đấu nối và kiểm tra hiệu chỉnh thiết bị và bảo hành hệ thống điều khiển Nhà máy nhiệt điện Uông Bí – Quảng Ninh: 4,26 tỷ đồng, NMNĐ Long Phú 1 là 0,837 tỷ đồng. Công ty DOBC tích cực đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu trong và ngoài ngành dầu khí và chú trọng đến đấu thầu các gói bảo dưỡng, sửa chữa kết cấu kim loại...và đạt được kết quả tốt khi tham gia đấu thầu rộng rãi trên mạng.

- Công tác kế toán, thu hồi vốn:

+ Tập trung thu hồi vốn, đối chiếu công nợ để đơn đốc thu hồi các khoản tạm ứng và các khoản phải thu khác. Tuy nhiên, do có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan công tác thu hồi vốn vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu về vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các mặt hoạt động khác.

+ Công tác hạch toán kế toán luôn tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, báo cáo được lập đầy đủ, kịp thời và gửi cấp trên đúng hạn.

+ Đối với lịch trả nợ đến hạn tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng, Công ty luôn đảm bảo trả nợ đúng hạn để giữ tình hình tài chính tốt không bị nhảy nhóm nợ.

- Công tác tái cơ cấu:

+ Hiện nay bộ máy Công ty còn 3 Phòng chức năng (Phòng TCHC, Phòng TCKT, Phòng KTKT), 01 Ban điều hành dự án Thái Bình 2 và 03 Chi nhánh Xí nghiệp (Chi nhánh Xí nghiệp 1, Chi nhánh Xí nghiệp 2, Chi nhánh Xí nghiệp 3) tuy nhiên chỉ còn Chi nhánh Xí nghiệp 2 đang thi công tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Chi nhánh Xí nghiệp 1 và Chi nhánh Xí nghiệp 3 chỉ còn trên sổ sách, Công ty đang từng bước thực hiện các thủ tục giải thể các Chi nhánh Xí nghiệp không còn hoạt động và chuyển đổi mô hình Chi nhánh Xí nghiệp đang hoạt động sang Đội sản xuất.

+ HĐQT chỉ đạo quyết liệt công tác tái cơ cấu, tinh gọn bộ máy Công ty, hiện nay lực lượng lao động do Công ty ký HĐLĐ đã giảm xuống đến cuối năm 2024 là 99 người so với 111 người đầu năm 2024. Bên cạnh đó, để chủ động trong việc triển khai thực hiện các hạng mục công việc ngắn hạn (Job), Công ty đã ủy quyền cho Chi nhánh Xí nghiệp 2 ký hợp đồng lao động ngắn hạn (thời vụ) với công nhân để thực hiện các Job công việc.

- Công tác lao động tiền lương:

Tổng số CBCNV do Công ty ký hợp đồng lao động đến cuối năm 2024 là 99 người (không bao gồm số lao động Công ty ủy quyền cho Chi nhánh Xí nghiệp 2 ký hợp đồng lao động ngắn hạn), trong năm 2024 DOBC vượt chỉ tiêu lợi nhuận so với kế hoạch, năng suất lao động tăng, nên thu nhập bình quân của người lao động cũng tăng so với kế hoạch, năm 2024 thu nhập bình quân của CBCNV Công ty là 8 triệu đồng/người/tháng, đạt 107% so với kế hoạch.

b. Một số tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong năm 2024 đã nêu ở trên, Công ty cũng gặp một số khó khăn, vướng mắc đã tác động đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, cụ thể:

- Giá trị dở dang/ công nợ phải thu tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 lớn, tuy nhiên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan công tác thu hồi vốn tại dự án này vẫn chưa đáp ứng như kỳ vọng, không đảm bảo nhu cầu về vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các mặt hoạt động khác.

- Mặc dù Công ty đã chủ động tham gia đấu thầu tích cực trong và ngoài ngành, tuy nhiên khả năng trúng các gói thầu bên ngoài còn thấp do năng lực tài chính của Công ty còn hạn chế.

- Nguồn tài chính của Công ty hạn hẹp, trong khi việc vay vốn tại các Ngân hàng rất khó khăn, ảnh hưởng nhiều đến việc trả nợ BHXH, trả nợ thuế và thanh toán công nợ cho khách hàng... điều này ảnh hưởng nhiều đến công tác chỉ đạo hoạt động SXKD của HĐQT.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, HĐQT xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu kinh tế như sau:

1. Kế hoạch và các chỉ tiêu năm 2025

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2025 | Ghi chú |
|-----|------------------------|------------------|-------------------|---------|
| 1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 200,00 | |
| 2 | Giá trị sản lượng | Tỷ đồng | 147,00 | |
| 3 | Doanh thu | Tỷ đồng | 113,00 | |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 1,30 | |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 1,30 | |
| 6 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | | |
| 6.1 | Số phải nộp | Tỷ đồng | 4,53 | |
| 6.2 | Số đã nộp | Tỷ đồng | | |
| 7 | Thu nhập bình quân | Triệu đồng/tháng | 8,00 | |

2. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế năm 2025, HĐQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT chỉ đạo triển khai đồng bộ để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tiếp tục thực hiện kiện toàn cơ cấu tổ chức của Công ty, rà soát sắp xếp, xây dựng mô hình quản lý phù hợp, tinh gọn, hiệu quả nhằm tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí quản lý để đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2025.

- Tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện SXKD của Công ty, đặc biệt chú trọng nhân lực về kỹ thuật nhằm tăng tính cạnh tranh trong công tác tìm kiếm nguồn việc mới.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh tìm kiếm thông tin, tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm công việc theo định hướng ngành nghề truyền thống và

thế mạnh của Công ty, tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu như: Xây lắp phần trên bờ các dự án vận chuyển, chế biến và tàng trữ dầu khí; Mở rộng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các công trình dầu khí trên bờ/ngoài biển; Sản xuất lắp ráp các thiết bị, kết cấu chuyên ngành Dầu khí.

- Quyết liệt trong công tác lập hồ sơ chất lượng, công tác nghiệm thu thanh quyết toán tại Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2. Rà soát, đối chiếu, xử lý công nợ, chú trọng đến các khoản công nợ, khối lượng dở dang tồn đọng từ lâu, thu hồi triệt để nguồn vốn để phục vụ cho hoạt động SXKD.

- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí, thường xuyên giám sát hoạt động SXKD của Công ty, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong Công ty và trong các Dự án, đảm bảo tất cả các công trình/dự án Công ty thi công đều có hiệu quả.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định nội bộ của Công ty đảm bảo phù hợp với các quy định của Nhà nước, của Tổng công ty và của Công ty.

- Thực hiện công tác chuyển đổi số đảm bảo thống nhất, đồng bộ theo hướng dẫn, chỉ đạo của Tổng công ty, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các mặt công tác khác của Công ty.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung ủy quyền cho HĐQT thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế năm 2025 đã được ĐHCĐ giao tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông vào kỳ họp gần nhất.

- Trong quá trình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét điều chỉnh kế hoạch SXKD 2025 của Công ty để phù hợp với tình hình SXKD thực tế của Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Thay mặt HĐQT, xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ, tín nhiệm của quý cổ đông trong thời gian qua. Rất mong muốn quý cổ đông đóng góp những ý kiến thiết thực giúp HĐQT DOBC hoạt động ngày càng tốt hơn.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ DOBC (để biết);
- Lưu VT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hồ Sỹ Hoàng

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO **CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Tôi tên: Hoàng Ngọc Triều, sinh ngày: 17/04/1981, trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.

Tôi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của DOBC ngày 21/05/2024 bầu làm Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029.

Thực hiện nhiệm vụ Thành viên độc lập HĐQT DOBC, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả đánh giá hoạt động của HĐQT DOBC và các công việc tôi đã thực hiện từ ngày 21/05/2024 đến ngày 31/12/2024, cụ thể như sau:

1. Đánh giá hoạt động của HĐQT DOBC:

HĐQT DOBC hoạt động/ làm việc theo: Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị DOBC, Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế làm việc của HĐQT.

Các Thành viên HĐQT làm việc theo chế độ tập thể, cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về các quyết định của HĐQT.

Cuộc họp HĐQT được tổ chức định kỳ theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế làm việc của HĐQT. Các cuộc họp được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, tài liệu chuẩn bị chu đáo. Ngoài ra, HĐQT đã tham dự các cuộc họp giao ban cùng Ban điều hành để giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

HĐQT chịu sự giám sát của Ban kiểm soát DOBC, các Nghị quyết/Quyết định/Văn bản của HĐQT đều được gửi Ban kiểm soát.

2. Các công việc đã thực hiện trong năm 2024:

* Về chế độ làm việc:

- Tôi làm việc theo chế độ không thường xuyên tại trụ sở Công ty.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và trả lời đầy đủ các Phiếu lấy ý kiến.

* Về chế độ thù lao: Công ty thanh toán đầy đủ thù lao cho thành viên độc lập HĐQT theo đúng chế độ thù lao đã được ĐHĐCĐ thông qua.

* Theo phân công nhiệm vụ của HĐQT, tôi được giao phụ trách trực tiếp các lĩnh vực sau:

- Giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Công ty trên cơ sở các báo cáo định kỳ/đợt xuất của Giám đốc trình HĐQT.

- Báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT trình HĐQT theo quy định.

* Theo dõi, giám sát các lĩnh vực:

- Công tác kế hoạch;

- Công tác triển khai thực hiện các quy định nội bộ của Công ty;

- Công tác lương, thưởng và chế độ của người lao động tại Công ty;

- Phối hợp trong các công tác tổ chức cán bộ, công tác thu hồi công nợ, thanh quyết toán các công trình của Công ty;

Trên đây là báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/cáo);

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT



Hoàng Ngọc Triều

Số: 168/BC-DOBC

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2024

I. Tình hình chung

- Trong năm 2024, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; đặc biệt là trong bối cảnh diễn biến phức tạp, khó lường của triển vọng kinh tế toàn cầu, các xung đột chính trị kéo dài, lạm phát thế giới còn ở mức cao, các ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu... kinh tế vĩ mô Việt Nam vẫn tích cực ở hầu hết các mặt;

- Năm 2024, kinh tế biến động và gặp nhiều khó khăn, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC) kiên trì đi theo định hướng công việc bảo dưỡng, sửa chữa kết cấu kim loại các nhà máy Nhiệt điện... cố gắng phấn đấu xây dựng và hoàn thành kế hoạch SXKD theo như các chỉ tiêu đã được ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua. Trong quá trình sản xuất kinh doanh có những thuận lợi và khó khăn như sau:

1. Thuận lợi

- Công ty DOBC là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS) trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam luôn nhận được sự ủng hộ, quan tâm của lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Tổng Công ty PETROCONS và Tập Đoàn Dầu khí đã tạo điều kiện giúp đỡ Công ty DOBC;

- Công ty được sự tin tưởng của PETROCONS và Tập Đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam, quan tâm, chỉ đạo suốt dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 từ năm 2015 đến nay để thi công các hạng mục công trình thuộc dự án đảm bảo an toàn và đúng tiến độ. Công ty kiên trì đi theo đúng định hướng công việc mà Tổng công ty, Tập đoàn đã chỉ ra.

2. Khó khăn

- Công nợ khách hàng lớn chưa thanh toán cho DOBC như: PetroCons, Lilama, PVC-MS dẫn đến dòng tiền thiếu hụt khó khăn trong việc cân đối chi trả. Do đó cần tăng cường công tác thu vốn đặc biệt công nợ Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2;

- Tiếp thị đấu thầu trong và ngoài ngành còn hạn chế về năng lực nhân sự, máy móc thiết bị và năng lực tài chính yếu dẫn đến hạn chế tham gia đấu thầu;

- Trong sản xuất kinh doanh Công ty phải đối diện với khó khăn về thiếu nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất do công nợ còn tồn đọng lớn chưa thu hồi và giá trị dở dang tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 còn nhiều.

3. Những mặt đã làm được

Mặc dù phải đối diện với những khó khăn, thách thức như trên, nhưng Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV của Công ty DOBC luôn đoàn kết, khắc phục khó khăn và đạt được những **Kết quả SXKD năm 2024** như sau:

- Thực hiện tốt việc sắp xếp và cân đối được tài chính của Công ty mặc dù còn rất nhiều khó khăn về nguồn tiền;
- Thanh toán lương CBCNV Công ty đầy đủ trong năm 2024 và chi trả gần hết số nợ gốc và lãi BHXH, BHYT; giải quyết phần lớn chót sổ cho người lao động;
- Trong năm 2024 Công ty tích cực và nỗ lực tham gia đấu thầu rộng rãi qua mạng quốc gia (trúng **05 gói** gồm bảo dưỡng NMNĐ Sông Hậu 1, NMNĐ Thái Bình 2; NMNĐ Long Phú I);
- Đảm bảo được việc thi công các gói thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đáp ứng tiến độ của dự án;
- Trong năm 2024 Công ty DOBC ký được **18** hợp đồng và phụ lục với giá trị là giá trị là **84,602 tỷ đồng**. Trong đó, dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: 57,588 tỷ đồng; Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I: 21,918 tỷ đồng; Cung cấp vật tư phụ, nhân công thực hiện tháo dỡ, lắp đặt thiết bị, đấu nối và kiểm tra hiệu chỉnh thiết bị và bảo hành hệ thống điều khiển Nhà máy nhiệt điện Uông Bí – Quảng Ninh: 4,26 tỷ đồng, NMNĐ Long Phú 1 là 0,837 tỷ đồng. Công ty DOBC tích cực đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu trong và ngoài ngành dầu khí và chú trọng đến đấu thầu;
- Kiểm soát tốt chi phí tại các công trình/dự án trong quá trình thực hiện đảm bảo hoạt động SXKD có hiệu quả và có lãi trong năm 2024.

II. Kết quả hoạt động SXKD năm 2024

- Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước trong Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 của Công ty DOBC đã được kiểm toán theo số 270325.031/BCTC.KT5 ngày 27/3/2025 bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

- Năm 2024, trên cơ sở bám sát Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/5/2024 Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2024, Công ty đã triển khai các giải pháp đồng bộ, vượt qua những khó khăn thách thức, từ đó hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao và các nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua. Kết quả hoạt động SXKD năm 2024 như sau:

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2024

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2023 | Kế hoạch 2024 (ĐHĐCĐ thông qua) | Thực hiện năm 2024 (BCTC sau kiểm toán) | % Thực hiện | | Ghi chú |
|----|----------------------|---------|--------------------|---------------------------------|---|--------------------|-----------------|---------|
| | | | | | | So với KH năm 2024 | So với năm 2023 | |
| 1 | 2 | | 3 | 4 | 5 | 6=5/4 | 7=5/3 | |
| 1 | Giá trị sản lượng | Tỷ đồng | 110,73 | 150 | 119,07 | 79% | 108% | |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 104,57 | 140 | 103,40 | 74% | 99% | |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 1,01 | 1,20 | 1,22 | 102% | 121% | |

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2023 | Kế hoạch 2024 (ĐHĐCĐ thông qua) | Thực hiện năm 2024 (BCTC sau kiểm toán) | % Thực hiện | | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|-------------------------|--------------------|---------------------------------|---|--------------------|-----------------|---------|
| | | | | | | So với KH năm 2024 | So với năm 2023 | |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 1,01 | 1,20 | 1,22 | 102% | 121% | |
| 5 | Nộp ngân sách nhà nước (NSNN) | | | | | | | |
| 5.1 | Số phải nộp NSNN | Tỷ đồng | 6,22 | 6 | 6,33 | 106% | 102% | |
| 5.2 | Số đã nộp NSNN | Tỷ đồng | 2,84 | | 14,62 | | 514% | |
| 6 | Lương bình quân | triệu đồng/người /tháng | 7,5 | 7,5 | 8,00 | 107% | 107% | |
| 7 | Đầu tư | Tỷ đồng | - | - | - | - | - | |

- **Sản lượng:** Giá trị sản lượng thực hiện cả năm 2024 là 119,07 tỷ đồng, đạt 79% (119,07/150 tỷ đồng) so kế hoạch năm 2024; đạt 108% (119,07/110,73 tỷ đồng) so năm 2023.

- **Doanh thu:** Giá trị doanh thu thực hiện cả năm 2024 là 103,40 tỷ đồng, đạt 74% (103,40/140 tỷ đồng) so kế hoạch năm 2024; đạt 99% (103,40/104,57 tỷ đồng) so năm 2023.

Các chỉ tiêu về sản lượng và doanh thu không đạt so với kế hoạch được Tổng Công ty chấp thuận do một số nguyên nhân sau:

- Nguyên nhân chủ quan:
 - Công tác lập kế hoạch chưa sát với tình hình thực tế.
- Nguyên nhân khách quan:

Một số công trình/ dự án dự án tại thời điểm lập kế hoạch cho năm 2024 không thực hiện, cụ thể:

- + Dự án mở rộng kho xăng dầu Petec Hải Phòng, chủ đầu tư mới xong giai đoạn nghiên cứu khả thi và thu xếp vốn;
- + Công trình gia công chế tạo đường ống cấp và thải nước làm mát tại dự án NMND Quảng Trạch không trúng thầu;
- **Lợi nhuận:** Giá trị lợi nhuận thực hiện cả năm 2024 là 1,22 tỷ đồng, đạt 102% (1,22/1,20 tỷ đồng) so kế hoạch năm 2024; đạt 120% (1,22/1,01 tỷ đồng) so năm 2023.
- **Nộp NSNN:** Số phải nộp ngân sách nhà nước năm 2024 là 6,33 tỷ đồng đạt 106% (6,33/6 tỷ đồng) so kế hoạch năm 2024; đạt 102% (6,33/6,22 tỷ đồng) so năm 2023. Số đã nộp ngân sách nhà nước là 14,62 tỷ đồng
- **Lương bình quân thực hiện năm 2024 là:** 8 triệu/người/tháng, đạt 107% (8/7,5 triệu/người/tháng) kế hoạch năm 2024; đạt 107% (8/7,5 triệu người/tháng) so với cùng kỳ năm 2023. Số lao động tính đến ngày 31/12/2024: 99 người.
- **Tiết giảm chi phí năm 2024:** 600 triệu đồng.

Chi tiết các chỉ tiêu SXKD năm 2024

- **Sản lượng thực hiện cả năm 2024 có giá trị như sau:** Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: **94,41 tỷ đồng** (Gói Cơ điện: 1,41 tỷ đồng, Hệ thống lưới tiếp địa, nối đất chống sét Nhà máy: 1,28 tỷ đồng; Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành hệ thống thải tro xỉ Dự án NMNĐ Thái Bình: -3,36 tỷ đồng; Gia công chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ điện, thử nghiệm và chạy thử; trạm bơm nước làm mát; Hệ thống cung cấp dầu HFO:- 13,15 tỷ đồng; Paving: 3,84 tỷ đồng; Cung cấp nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ và vật tư hoàn thiện các công việc tại dự án NMNĐ Thái Bình 2: 17,47 tỷ đồng; Cung cấp và thi công điện chiếu sáng ổ cắm, công tác trong nhà hệ thống tiếp địa, nối đất chống sét các tòa nhà còn lại thuộc nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: 18,09 tỷ đồng; Khảo sát đánh giá, sửa chữa thay thế chạy thử hệ thống giám sát phát thải liên tục CEMS của hệ thống khử lưu huỳnh FGD, Hệ thống giám sát nồng độ CO đầu ra phân ly máy: 26,80 tỷ đồng; Kiểm tra bảo dưỡng hệ thống bơm làm mát chính 1B dự án NMNĐ Thái Bình 2: 2,70 tỷ đồng; Mua sắm vật tư, thiết bị cho hệ thống ASH dự án NMNĐ Thái Bình: 0,15 tỷ đồng; PL02 của HĐ 24 Thái Bình 2: 17,29 tỷ đồng; Cung cấp dịch vụ vệ sinh, kiểm tra đường ống làm mát (trừ trạm bơm nước làm mát đến bình ngưng) phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa hệ thống nước làm mát kín, nước định kỳ NMNĐ Thái Bình 2: 2,26 tỷ đồng; Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa hệ thống nước làm mát kín, nước làm mát chính, làm mát hồ tổ máy 1 và 2 NMNĐ Thái Bình 2: 3,11 tỷ đồng; Thi công lắp đặt hoàn chỉnh kết cấu & thiết bị băng tải 43 UED33/43, EAC 33/43, UEX- dự án NM Nhiệt điện Thái Bình 2: 2,71 tỷ đồng) Cung cấp dịch vụ bảo quản, bảo dưỡng hệ thống máy nén của nhà cung cấp Atlas Copco NMNĐ Long Phú I: **0,837 tỷ đồng**; Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I: **21,29 tỷ đồng** (Vệ sinh hệ thống ESP Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I: 2,47 tỷ đồng; Cung cấp dịch vụ vệ sinh lò hơi Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I: 6,28 tỷ đồng; Cung cấp sơn Sông Hậu I: 11,95 tỷ đồng; Thuê xe gầu nâng người, giàn giáo, nhân sự có chuyên môn phục vụ kiểm định T1, T2 Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I năm 2024: 0,35 tỷ đồng; Cung cấp dịch vụ vệ sinh sứ cho trạm biến áp T1, T2 và sứ đường dây 500KV nối giữa NMNĐ Sông Hậu I sản phẩm phân phối 500KV năm 2024: 0,24 tỷ đồng); NMNĐ Uông Bí – Quảng Ninh: **2,53 tỷ đồng**;

- **Doanh thu thực hiện cả năm 2024 có giá trị 103,40 tỷ đồng như sau:** Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình: **75,55 tỷ đồng** (Đường ống cấp và thải nước làm mát: - 0,62 tỷ đồng, Hệ thống lưới tiếp địa, nối đất chống sét Nhà máy: 0,34 tỷ đồng; Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành hệ thống thải tro xỉ Dự án NMNĐ Thái Bình: 0,76 tỷ đồng; Gia công chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ điện, thử nghiệm và chạy thử; trạm bơm nước làm mát; Hệ thống cung cấp dầu HFO:- 0,01 tỷ đồng; Paving: 0,42 tỷ đồng; Cung cấp nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ và vật tư hoàn thiện các công việc tại dự án NMNĐ Thái Bình 2: 9,50 tỷ đồng; Cung cấp và thi công điện chiếu sáng ổ cắm, công tác trong nhà hệ thống tiếp địa, nối đất chống sét các tòa nhà còn lại thuộc nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: 7,79 tỷ đồng; Khảo sát đánh giá, sửa chữa thay thế chạy thử hệ thống giám sát phát thải liên tục CEMS của hệ thống khử lưu huỳnh FGD, Hệ thống giám sát nồng độ CO đầu ra phân ly máy: 19 tỷ đồng; Kiểm tra bảo dưỡng hệ thống bơm làm mát chính 1B dự án NMNĐ Thái Bình 2: 2,48 tỷ đồng; PL02 của HĐ 24 Thái Bình 2: 16,01 tỷ đồng; Cung cấp dịch vụ vệ sinh, kiểm tra đường ống làm mát (trừ trạm bơm nước làm mát đến bình ngưng) phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa hệ thống nước làm mát kín, nước định kỳ NMNĐ Thái Bình 2: 1,95 tỷ đồng; Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa hệ thống nước làm mát kín, nước làm mát chính, làm mát hồ tổ máy 1 và 2 NMNĐ Thái Bình 2: 2,80 tỷ đồng); Cung cấp dịch vụ bảo quản, bảo dưỡng hệ thống máy nén của

nhà cung cấp Atlas Copsco NMNĐ Long Phú I: **0,78 tỷ đồng**; Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I: **19,52 tỷ đồng** (Vệ sinh hệ thống ESP Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I: 2,24 tỷ đồng; Cung cấp dịch vụ vệ sinh lò hơi Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I: 5,71 tỷ đồng; Thuê xe gầu nâng người, giàn giáo, nhân sự có chuyên môn phục vụ kiểm định TU, TI Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I năm 2024: 0,29 tỷ đồng; Cung cấp dịch vụ vệ sinh sứ cho trạm biến áp T1, T2 và sứ đường dây 500KV nối giữa NMNĐ Sông Hậu I sản phẩm phối 500KV năm 2024: 0,21 tỷ đồng; Cung cấp sơn Sông Hậu I: 11,07 tỷ đồng) **Doanh thu khác: 7,55 tỷ đồng**;

2. Công tác chỉ đạo sản xuất

- Thường xuyên rà soát các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu theo tháng, quý, năm để hoàn thành chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt;
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí của từng dự án trong suốt quá trình thực hiện để cố gắng đảm bảo các dự án có hiệu quả, tiết giảm các chi phí,...
- Tập trung thu hồi vốn, đối chiếu công nợ để đôn đốc thu hồi các khoản tạm ứng và các khoản phải thu khác. Tuy nhiên, do có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan công tác thu hồi vốn tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 vẫn chưa đáp ứng nhu cầu về vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các mặt hoạt động khác;
- Tăng cường công tác thu vốn, tối ưu hóa dòng tiền phục vụ cho hoạt động SXKD được đảm bảo, tiết giảm chi phí tài chính. Cân đối nguồn tiền để chi trả lương, bảo hiểm cho CBCNV, thuế,... và dần thanh toán được những khoản công nợ trước đây;
- Tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu qua mạng quốc gia đối với các gói thầu phù hợp năng lực kinh nghiệm của Công ty về bảo dưỡng, sửa chữa kết cấu kim loại nhằm tìm kiếm nguồn việc làm cho Công ty, đảm bảo công việc và thu nhập cho người lao động;
- Đảm bảo nguồn nhân lực hiện có kiêm nhiệm nhiều công việc giảm chi phí quản lý cho Công ty;
- Duy trì tốt hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015; Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001: 2018.

3. Công tác tài chính kế toán, thu hồi vốn

- Đến thời điểm ngày 31/12/2024 (theo sổ sách kế toán và theo dõi tình hình lương, BHXH) Công ty lỗ lũy kế là 159,368 tỷ đồng. Nợ thuế: 13,935 tỷ đồng, Phải thu khách hàng: 189,468 tỷ đồng (trong đó công nợ đến thời hạn Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 là 50,35 tỷ đồng) phải trả người bán: 142,529 tỷ đồng, nợ vay: 11,513 tỷ đồng; Nợ lương toàn Công ty 10,109 tỷ đồng; Nợ BHXH, BHYT, BHTN 6,239 tỷ đồng;
- Rà soát lại toàn bộ các khoản công nợ phải trả, phải thu. Đối với các khoản công nợ phải trả, làm việc với nhà cung cấp để giãn nợ, khoan nợ, thỏa thuận để giảm nợ và đưa ra lộ trình trả nợ trong một khoảng thời gian đủ dài để tập trung SXKD các hợp đồng mới. Sau khi có lợi nhuận từ các Hợp đồng mới này sẽ trích khoản lợi nhuận đó để giải quyết các khoản công nợ trước;
- Công tác hạch toán kế toán luôn tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, báo cáo được lập đầy đủ, kịp thời và gửi cấp trên đúng hạn.
- Cung cấp thông tin và báo cáo kịp thời cho lãnh đạo để phối hợp chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.

- Đối với lịch trả nợ đến hạn tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng, Công ty luôn đảm bảo trả nợ đúng hạn để giữ tình hình tài chính tốt không bị nhảy nhóm nợ.

4. Công tác đầu tư/ thoái vốn

- Trong năm 2024, DOBC khai thác rất hiệu quả văn phòng Tầng 6, tòa nhà Capital Tower, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh bằng việc cho 3 đơn vị thuê hết 100% diện tích văn phòng, hàng tháng Công ty thu về khoảng 300 triệu đồng. Song song việc cho thuê văn phòng tầng 6, Công ty tiếp tục làm việc với Chủ đầu tư để hoàn thiện hồ sơ pháp lý để được cấp sổ.

- Văn phòng cấp 4 khu đất số 01 Phạm Văn Phạm Nghi, Phường Thắng Nhất, Tp.Vũng Tàu, Công ty được UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cho thuê lâu dài đến tháng 3/2060. Dự tính khi nào UBND tỉnh thu hồi đất số 35G, Đường 30/4, P.9, Tp. Vũng Tàu Công ty sẽ thực hiện sửa chữa cải tạo để làm văn phòng cho CBCNV ổn định làm việc lâu dài.

- Khai thác tối đa, hiệu quả các tài sản còn trong kho Công ty để cho thuê thông qua các Hợp đồng kinh tế.

5. Công tác tổ chức, lao động, đào tạo

Công ty đã củng cố và kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của đơn vị:

- Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị: gồm Chủ tịch và 02 thành viên; Ban Kiểm soát: gồm Trưởng ban và 02 thành viên; Ban Giám đốc: gồm Giám đốc và 02 Phó giám đốc;

- Hiện nay Công ty có 03 Phòng chức năng nghiệp vụ: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Kinh tế Kỹ thuật và 01 Ban điều hành dự án (Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2); 03 Chi nhánh - Xí nghiệp: Chi nhánh - Xí nghiệp Xây lắp số 1, Chi nhánh - Xí nghiệp Xây lắp số 2, Chi nhánh - Xí nghiệp Xây lắp số 3. Tuy nhiên chỉ còn CN-XN2 đang tham gia thực hiện Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1; Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí, CN-XN1 và CN-XN3 đang thực hiện các thủ tục giải thể theo đề án tái cơ cấu của Công ty.

- Lao động Công ty năm 2024: Tổng số CBCNV do Công ty ký HĐLĐ tính đến thời điểm 31/12/2024 là 99 người. Thu nhập bình quân 8 triệu/người/tháng (không bao gồm lao động công ty ủy quyền cho CNXXN ký hợp đồng); Đào tạo không thực hiện.

6. Công tác an sinh xã hội, hoạt động của các tổ chức đoàn thể

- Năm 2024, SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn nên công tác an sinh xã hội chủ yếu các hoạt động như thăm hỏi, hiếu hỉ, giúp đỡ người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo, hỗ trợ người lao động nhân dịp tết nguyên Đán, lễ 30/4, lễ 2/9.

Phần II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Dự báo, phân tích nhân tố tác động đến hoạt động SXKD của Công ty năm 2025

Năm 2025 dự báo tình hình kinh tế trong nước sẽ còn rất nhiều khó khăn nhưng hy vọng nền kinh tế toàn cầu sẽ vực lại, tình hình lạm phát chậm lại, lãi suất ngân hàng được nới lỏng, thị trường việc làm ổn định sẽ hỗ trợ cho đà tăng trưởng trong năm.

DOBC sẽ có những thuận lợi khó khăn trong năm 2025 như sau:

✓ **Thuận lợi**

- Được sự hỗ trợ và giúp đỡ tối đa từ cổ đông lớn Tổng công ty PetroCons trong công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm nguồn việc;
- Uy tín và kinh nghiệm của công ty trong lĩnh vực xây lắp, bảo dưỡng, sửa chữa kết cấu kim loại trong các Nhà máy Nhiệt điện dần được nâng cao.

✓ **Khó khăn**

- Hết năm 2024, Công ty khó cạnh tranh với các đơn vị để trúng thầu, các gói thầu lớn thường là đấu thầu EPC trong nước hoặc quốc tế, năng lực của DOBC không đáp ứng được và chỉ đóng vai trò là thầu phụ hoặc liên doanh đối với gói thầu EPC nên khả năng công việc sẽ ít. Các hạng mục thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cơ bản sẽ hoàn thành, Công ty phải đối diện với khó khăn tìm kiếm nguồn việc cho các năm tiếp theo;
- Công ty còn khoản nợ chưa thanh toán dứt điểm được hết như: BHXH, BHYT, thuế. Khoản nợ lớn khách hàng, vay khác;
- Sản xuất kinh doanh Công ty phải đối diện với khó khăn về thiếu nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất do công nợ và giá trị dơ đang tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 còn nhiều.

2. Kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp thực hiện của Công ty

✓ **Nhiệm vụ kế hoạch**

- Xây dựng công ty DOBC là đơn vị xây lắp chuyên ngành chủ lực của Tổng Công ty PetroCons nhằm ổn định và từng bước phát triển bền vững;
- Duy trì ổn định Công ty trong năm 2025, sản xuất kinh doanh trong năm đạt các chỉ tiêu kinh tế đề ra và cố gắng tiết giảm các chi phí để lợi nhuận năm nay cao hơn so với các năm trước;
- Xây dựng và phát triển Công ty DOBC thành nhà thầu Xây lắp chuyên ngành xây lắp dầu khí chất lượng cao, tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu sau: sửa chữa, duy tu bảo dưỡng định kỳ hàng năm các công trình dầu khí, Nhà máy nhiệt điện, Nhà máy đạm, trên bờ và ngoài biển...

✓ **Các chỉ tiêu thuyết minh và kế hoạch.**

Trên cơ sở tình hình thực tế, đánh giá khả năng hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, công ty DOBC đặt mục tiêu **Kế hoạch SXKD năm 2025** như sau:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2025 |
|----|--------------------------|-------------|-------------------|
| 1 | Giá trị sản lượng | Tỷ đồng | 147 |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 113 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 1,3 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 1,3 |
| 5 | Đầu tư | Tỷ đồng | - |
| 6 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 200 |
| 7 | Thu nhập bình quân/tháng | Triệu đồng | 8 |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2025 |
|----|------------------------|-------------|-------------------|
| 8 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 4,53 |
| 9 | Lao động | Người | 110 |

Các chỉ tiêu SXKD dự kiến năm 2025 gồm Sản lượng: **147 tỷ đồng**, Doanh thu: **113 tỷ đồng**, Lợi nhuận trước thuế **1,30 tỷ đồng**, Đầu tư: 0 tỷ đồng. Trong đó:

- **Sản lượng:** Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: 30,08 tỷ đồng, NM Nhiệt điện Uông Bí Quảng Ninh 1,73 tỷ đồng; Cung cấp dịch vụ thuê, lắp đặt, tháo dỡ giàn giáo phục vụ công tác sửa chữa của Công ty: 6,4 tỷ đồng; Nhà máy Nhiệt điện Long Phú I Sóc Trăng 6 tỷ đồng; Lô B Ô Môn Cà Mau: 9 tỷ đồng; Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất Quảng Ngãi năm 2024-2028: 20 tỷ đồng; Các dự án bảo dưỡng, bảo trì Nhà máy nhiệt điện 40 tỷ đồng; Các dự án Khác (thầu phụ cho liên danh PTSC+ Thăng Long Sân bay Long Thành Đồng Nai): 34 tỷ đồng;

- **Doanh thu:** Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: 43,81 tỷ đồng, NM Nhiệt điện Uông Bí Quảng Ninh 3,94 tỷ đồng; Cung cấp dịch vụ thuê, lắp đặt, tháo dỡ giàn giáo phục vụ công tác sửa chữa của Công ty: 5,81 tỷ đồng; Nhà máy Nhiệt điện Long Phú I Sóc Trăng 4 tỷ đồng; Lô B Ô Môn Cà Mau: 2 tỷ đồng; Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất Quảng Ngãi năm 2024-2028: 7,14 tỷ đồng; Các dự án bảo dưỡng, bảo trì Nhà máy nhiệt điện 30,77 tỷ đồng; Các dự án Khác (thầu phụ cho liên danh PTSC+ Thăng Long Sân bay Long Thành Đồng Nai): 10,79 tỷ đồng; Doanh thu khác: 4,8 tỷ đồng;

- **Lợi nhuận:** Lợi nhuận cả năm 2025 là 1,30 tỷ đồng. Công ty dự kiến và hy vọng sẽ vượt lãi kế hoạch đặt ra.

- **Công tác thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí sản xuất năm 2025** là 0,6 tỷ đồng.

3. Giải pháp thực hiện

- Rà soát thường xuyên các nội dung cơ bản của kế hoạch năm để có biện pháp xử lý kịp thời;

- Nhiệm vụ năm 2025, hoàn thành xong công tác thanh toán các Hợp đồng đã ký tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 có nguồn tài chính để thực hiện các dự án khác của Công ty;

- Tích cực công tác tiếp thị đấu thầu. Chủ động phát triển, mở rộng ra các khách hàng trong ngành cũng như ngoài ngành Dầu khí để tìm kiếm các công trình đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2025 và tạo nguồn công việc cho Công ty;

- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí quản lý sản xuất, giám sát hoạt động SXKD của Công ty và thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong Công ty và trong các Dự án, cố gắng đảm bảo tất cả các công trình, dự án Công ty thi công đều đạt hiệu quả;

- Đẩy mạnh công tác thu hồi vốn và công nợ nhằm giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh;

- Thường xuyên làm việc với các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng để thu xếp vốn đáp ứng nhu cầu SXKD của công ty;

- Giải quyết dứt điểm các khoản nợ còn lại của BHXH và BHYT cho CBCNV khi công ty có nguồn tài chính về;

- Thực hiện tối ưu việc cho thuê tất cả các mặt bằng của Công ty: sàn tầng 6 Tp. Hồ Chí Minh và ở Tp. Vũng Tàu để bù đắp chi phí cố định hàng tháng của Công ty.

PHẦN III: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đề xuất Tổng công ty PetroCons xem xét, hỗ trợ thanh toán công nợ cho DOBC các Hợp đồng tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 để DOBC có khoản thu xếp đóng BHXH phần còn lại;
- Đề xuất Tổng công ty hỗ trợ DOBC trong công tác tiếp thị đầu thầu tìm kiếm việc làm và tiếp cận các khách hàng mới; giao thêm việc phù hợp với năng lực của DOBC khi Tổng công ty PetroCons có nguồn việc;

Trên đây là Báo cáo kết quả SXKD năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS DOBC (để b/c);
- BGĐ DOBC (để biết);
- Lưu VT.



Phạm Văn Thu

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

- Căn cứ luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí;
- Căn cứ vào tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu Khí;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu Khí (DOBC) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2024 của Ban kiểm soát và kế hoạch hoạt động năm 2025 như sau:

PHẦN I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

1. Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát DOBC gồm có 3 thành viên, trong đó 01 Trưởng ban làm chuyên trách và 02 thành viên làm kiêm nhiệm, gồm:

- Bà Nguyễn Thị Phụng - Trưởng Ban Kiểm soát;
- Bà Vũ Thị Châm - Thành viên kiêm nhiệm;
- Ông Lê Trung Can - Thành viên kiêm nhiệm.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2024, trên cơ sở nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty DOBC thông qua, Ban kiểm soát đã tập trung triển khai công tác giám sát thường xuyên tại Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty, thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động SXKD theo chức năng, nhiệm vụ quy định của luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, cụ thể như sau:

- Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp về quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách, chế độ của Nhà nước, của HĐQT và Ban giám đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết HĐQT trong công tác điều hành hoạt động SXKD của Ban giám đốc.

- Kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty qua các cuộc họp, các văn bản và báo cáo định kỳ của Phòng chức năng, Ban điều hành và các Chi nhánh – Xí nghiệp.

- Phối hợp với các Phòng chức năng Công ty tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Giám sát việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, các quy chế của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát công tác lập báo cáo kiểm kê, Báo cáo Tài chính Quý, năm 2024. Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng năm 2024 và cả năm 2024.

- Tham dự các cuộc họp định kỳ/ hoặc bất thường theo thông báo của HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị Công ty.

- Thường xuyên giữ mối liên hệ giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc, cập nhật thông tin để đề xuất, kiến nghị các giải pháp phục vụ cho công tác quản trị, quản lý điều hành sản xuất của Công ty.

3. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm 2024, ngoài công tác trao đổi thường xuyên giữa các thành viên, Ban kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp sau khi có báo cáo quyết toán quý, nhưng không ban hành các quyết định.

4. Tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2024:

Ban kiểm soát Công ty đã nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong kế hoạch hoạt động năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Ban Kiểm soát đã bám sát Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Các thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của mình do Luật doanh nghiệp và Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ DOBC quy định; Thực hiện tốt công việc do Ban kiểm soát phân công.

4.1 Bà Nguyễn Thị Phụng - Trưởng ban: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc.

- Phụ trách chung và điều hành hoạt động chung của Ban kiểm soát .

- Thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát theo điều lệ Công ty bao gồm :

+ Xem xét, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Hội đồng quản trị , Ban giám đốc

+ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty .

+ Giám sát hoạt động tài chính của Công ty, thẩm tra các báo cáo tài chính quý, giữa niên độ và năm.

+ Tổng hợp báo cáo của các thành viên và báo cáo trước ĐHĐCĐ thường niên.

4.2 Bà Vũ Thị Châm - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc.

Thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát cụ thể theo điều lệ bao gồm :

+ Xem xét tính hợp lý, hợp pháp trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của công ty.

+ Xem xét, kiểm tra, thẩm định các báo cáo tài chính quý, giữa niên độ và năm của công ty.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công.

4.3 Ông Lê Trung Can - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc.

Thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát cụ thể theo điều lệ bao gồm ;

+ Phối hợp xem xét, kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong việc ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban giám đốc.

+ Giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật, nội quy, quy định của Công ty.

+ Xem xét kiểm tra công tác ký kết thực hiện các hợp đồng kinh tế, quy trình mua sắm vật tư , thiết bị và CCDC.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công.

• **Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát:**

Chi tiết tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình về việc thông qua quyết toán tiền lương, thù lao năm 2024 và phương án chi trả tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán và báo cáo thường niên năm 2024 theo quy định.

Đối với các chi phí phục vụ hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024: *Không có*

PHẦN II: KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2024

I. Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2024:

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua, Công ty DOBC đã chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp khắc phục khó khăn, tuy nhiên Công ty đã không hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh so với kế hoạch đề ra về sản lượng và doanh thu.

DVT: Tỷ đồng

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2023 | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2024 | % Thực hiện | |
|----|-------------------|--------------------|-------------------|--------------------|--------------------------|---------------------|
| | | | | | so với kế hoạch năm 2024 | So cùng kỳ năm 2023 |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3/2 | 5=3/1 |
| | Vốn chủ sở hữu | 54.55 | | 55.77 | | |
| 2 | Giá trị sản lượng | 110,73 | 150 | 119,07 | 79,38% | 107,53% |

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2023 | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2024 | % Thực hiện | |
|-----|-------------------------------|--------------------|-------------------|--------------------|--------------------------|---------------------|
| | | | | | so với kế hoạch năm 2024 | So cùng kỳ năm 2023 |
| 3 | Doanh thu | 104,57 | 140 | 103,40 | 73,86% | 98,88% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 1,011 | 1,2 | 1,220 | 101,67% | 120,67% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | 1,011 | 1,2 | 1,220 | 101,67% | 120,67% |
| 6 | Đầu tư | - | - | - | - | - |
| 7 | Nộp ngân sách nhà nước | | | | | |
| 7.1 | Số phải nộp NSNN | 6,227 | 6,0 | 6,33 | 105,67% | 101,81% |
| 7.2 | Số đã nộp NSNN | 2,842 | | 14,63 | | 514,78% |
| 8 | Lương bình quân (Triệu/tháng) | 7.5 | 7.5 | 8.00 | 106.67% | 106.67% |

- Giá trị sản lượng thực hiện năm 2024 là: 119,07 tỷ đồng, đạt 79,38% (119,07/150 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2024, đạt 107,53% (119,07/110,73 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2023.

- Doanh thu thực hiện năm 2024 là: 103,40 tỷ đồng, đạt 73,86% (103,40/140 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2024, đạt 98,88% (103,40/104,57 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2023.

- Lợi nhuận thực hiện năm 2024 là: 1,22 tỷ đồng, đạt 101,67% (1,22/1,20 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2024, đạt 120,67% (1,22/1,01 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2023.

- Đơn vị không thực hiện đầu tư trong năm 2024 do tập trung nguồn vốn vào sản xuất kinh doanh

- Nộp ngân sách nhà nước: Số phải nộp năm 2024 là: 6,33 tỷ đồng. Số đã nộp NSNN là 14,63 tỷ đồng.

- Lương bình quân thực hiện năm 2024 là: 8 triệu/người/tháng, đạt 106,67% (8/7,5 triệu/người/tháng) kế hoạch năm 2024; đạt 106,67% (8/7,5 triệu người/tháng) so với cùng kỳ năm 2023.

2. Tình hình thực hiện đầu tư/ thoái vốn:

Năm 2024, Công ty không thực hiện đầu tư, vì phải dùng nguồn vốn phục vụ cho SXKD. Ngoài ra, các công trình tiếp thị/ hoặc trúng thầu được ít, nên Công ty cũng không thực hiện đầu tư mua sắm thêm máy móc thiết bị thi công.

3. Công tác tổ chức, nhân sự, lao động tiền lương, chế độ chính sách:

Hiện nay Công ty gồm Chủ tịch HĐQT và 02 thành viên HĐQT; Trưởng ban kiểm soát và 02 thành viên trong Ban kiểm soát; Giám đốc và 02 Phó Giám đốc; 03 Phòng chức năng nghiệp vụ Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Kinh tế kỹ thuật, 01 Ban điều hành dự án (Ban điều hành Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2) và 03 Chi nhánh Xí nghiệp (CN-XN) trực thuộc: CN Xí nghiệp Xây lắp số 1, CN Xí nghiệp Xây lắp 2, CN Xí nghiệp Xây lắp 3. Tuy nhiên chỉ còn CN-XN2 đang tham gia thực hiện Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1; Nhà máy Nhiệt

điện Uông Bí, CN-XN1 và CN-XN3 đang thực hiện các thủ tục giải thể theo đề án tái cơ cấu đã được Tổng Công ty phê duyệt.

Tổng số CBCNV do Công ty ký hợp đồng lao động tại thời điểm 31/12/2024 là 99 người (Trong đó Nữ: 15 người chiếm 14,9%). Thạc sỹ 03 người; Đại học 38 người; Lao động phổ thông 04 người; Trung cấp, CN kỹ thuật: 49 người. Bên cạnh số lao động do Công ty ký hợp đồng lao động, số lao động do Chi nhánh Xí nghiệp Xây lắp số 2 ký hợp đồng lao động ngắn hạn khi được Công ty ủy quyền giao động từ 80-150 người tùy vào thời điểm, yêu cầu công việc khi triển khai các hạng mục tại các Dự án. Thu nhập bình quân: 8 triệu đồng/người/tháng.

Năm 2024 Công ty vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn về tài chính dẫn đến việc Công ty chưa thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nộp ngân sách nhà nước, cơ quan Bảo hiểm xã hội, trợ cấp thôi việc, nợ khách hàng ... các khó khăn trên dẫn đến Công ty chưa giải thể được các Xí nghiệp Xây lắp 1, Xí nghiệp Xây lắp 3 vì còn đang nợ thuế, người lao động nghỉ việc từ phương án tái cấu trúc chưa được thanh toán trợ cấp thôi việc, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động.

4. Công tác xây dựng và thực hiện các quy định quản lý nội bộ của Công ty:

Công ty đã thực hiện rà soát chỉnh sửa quy chế, quy trình, quy định về quản lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và phù hợp với các Quy định của Pháp luật hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng 21 Quy chế (do HĐQT ban hành) và 16 Quy định, 18 Quy trình, 22 Hướng dẫn công việc theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 và tiêu chuẩn ISO 45001:2018 (do Giám đốc ban hành). Trong năm 2024 Công ty đã chỉnh sửa và ban hành:

- Quy chế tiền lương của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, tại Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 05/4/2024.

- Quy chế Quản lý công bố thông tin của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, tại Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 12/8/2024.

Nhìn chung hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành đầy đủ, phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành và các hoạt động của Công ty cũng đã tuân thủ theo các quy chế và quy định đã ban hành.

5. Công tác tài chính kế toán năm 2024:

5.1 Công tác ghi chép và lập báo cáo:

Công tác hoạch toán kế toán của Công ty cơ bản thực hiện theo đúng quy định hiện hành tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc “Ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp”. Hệ thống chứng từ kế toán được lập, ghi chép sổ sách và lưu trữ theo quy định hiện hành.

5.2 Công tác quyết toán và theo dõi công nợ phải thu, phải trả:

Trong năm 2024, công tác tài chính gặp nhiều khó khăn, với dòng tiền thu từ dự án, Công ty vừa phải cân đối để chi trả các chi phí thi công cho Dự án, vừa phải chi trả nợ cũ khách hàng từ các năm trước còn tồn đọng, đồng thời phải chi trả cho Bảo hiểm xã hội tính nên bị động về tài chính.

5.3 Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật:

Công ty thực hiện kê khai thuế GTGT, TNCN hàng tháng đầy đủ. Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty còn nợ Thuế và các khoản phải nộp nhà nước là 13,93 tỷ đồng, bao

gồm Thuế GTGT 11,22 tỷ đồng; Thuế TNCN 1,76 tỷ đồng; tiền thuê đất 137,4 triệu đồng; Thuế môn bài 1,0 triệu đồng, Các loại thuế khác 812,6 triệu đồng.

5.4 Tình hình sử dụng vốn điều lệ đến 31/12/2024 :

Công ty sử dụng vốn điều lệ đúng mục đích nhằm phục vụ hoạt động SXKD của Công ty, không sử dụng vào các hoạt động đầu tư khác.

Vốn điều lệ của Công ty là 200 tỷ đồng được hình thành trên vốn góp của Tổng Công ty PETROCONS là 102 tỷ đồng (chiếm 51%); vốn phát hành cổ phiếu phổ thông là 98 tỷ đồng (chiếm 49%).

Vốn chủ sở hữu tại kỳ báo cáo là 55,77 tỷ đồng, tăng 1,22 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2024, Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tổng số lỗ lũy kế là 159,37 tỷ đồng, tương ứng 79,68% vốn góp của chủ sở hữu.

Trong năm 2024 đơn vị không có thay đổi về vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần và Quỹ đầu tư phát triển. Tuy nhiên năm 2024 tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị đã khả quan hơn và hoạt động có lãi, điều này làm cho vốn chủ sở hữu tăng 2,24% so với cùng kỳ năm 2023. Mặc dù trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 lãi 1,22 tỷ đồng, nhưng các số liệu tài chính phản ánh vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với Công ty trong thời gian tiếp theo.

5.5. Quản lý chi phí sản xuất kinh doanh và xác định giá vốn hàng bán:

ĐVT: đồng

| Loại chi phí | Quý I | Quý II | Quý III | Quý IV | Tổng cộng năm 2024 |
|-------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Giá vốn hàng bán | 21,737,974,612 | 16,680,665,661 | 33,813,409,286 | 17,196,356,550 | 89,428,406,109 |
| Chi phí tài chính | 74,781,934 | 28,451,324 | 27,221,918 | 27,221,918 | 157,677,094 |
| Chi phí quản lý | 2,423,582,159 | 2,541,424,526 | 1,745,342,399 | 3,152,481,906 | 9,862,830,990 |
| Chi phí khác | 1,091,707,004 | 1,076,416,008 | 350,955,283 | 212,537,253 | 2,731,615,548 |
| Tổng cộng | 25,328,045,709 | 20,326,957,519 | 35,936,928,886 | 20,588,597,627 | 102,180,529,741 |

- Giá vốn hàng bán năm 2024 là 89,43 tỷ đồng, tăng 8,04% so với cùng kỳ năm 2023 (82,77 tỷ đồng). Chi phí giá vốn năm 2024 chủ yếu là từ hoạt động xây lắp, trong đó Dự án Nhiệt điện Thái Bình II là 68,86 tỷ đồng chiếm 77% tổng giá vốn năm 2024; Dự án Sông hậu 1 là 16,83 tỷ đồng chiếm 18,82% tổng giá vốn năm 2024; Dự án Mỏ đại hùng là 3,3 tỷ đồng chiếm 3,7% tổng giá vốn năm 2024; Dự án Nam Côn sơn là 72,9 triệu đồng chiếm 0,08% tổng giá vốn năm 2024; Dự án Côn đảo là 52,5 triệu đồng chiếm 0,06% tổng giá vốn năm 2024; Dự án Long phú là 666,6 triệu đồng chiếm 0,75% tổng giá vốn năm 2024; Chi phí giá vốn khác là 1,76 tỷ đồng chiếm 2% tổng giá vốn năm 2024.

- Chi phí tài chính năm 2024 là 157,6 triệu đồng giảm 81,69% so với năm 2023 (861,2 triệu đồng) tương đương giảm 703,5 triệu đồng. Chi phí tài chính của đơn vị là chi phí lãi vay tại các tổ chức tín dụng và cá nhân.

- Chi phí quản lý năm 2024 là 9,86 tỷ đồng giảm 16,04% so với chi phí quản lý năm 2023 (11,74 tỷ đồng). Chi phí quản lý chủ yếu chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản, chi dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí khác năm 2024 là 2,73 tỷ đồng giảm 66,58% so với chi phí khác năm 2023 (8,17 tỷ đồng). Chi phí khác chủ yếu là chi phí các khoản bị phạt.

6. Nhận xét, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong điều kiện hết sức khó khăn Công ty đã cố gắng duy trì sản xuất kinh doanh, sản lượng 119,07 tỷ đồng, doanh thu 103,40 tỷ đồng, lợi nhuận 1,22 tỷ đồng. Mặc dù các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu không đạt theo kế hoạch đề ra, tuy nhiên chỉ tiêu về lợi nhuận vẫn đảm bảo và đặc biệt năm 2024, Công ty đã thực hiện rất tốt việc nộp ngân sách cho Nhà nước.

a. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2024 và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

a.1 Một số chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2024:

DVT: Đồng

| STT | Chỉ tiêu | Ngày 31/12/2024 | Ngày 31/12/2023 | Năm 2024 so với 2023(%) |
|-----------|----------------------------|------------------------|------------------------|----------------------------|
| I | TỔNG TÀI SẢN | 281,954,443,103 | 296,404,619,566 | 95% |
| A | Tài sản ngắn hạn | 249,256,799,591 | 261,887,929,357 | 95% |
| 1 | Tiền | 1,688,102,378 | 1,284,300,598 | 131% |
| 2 | Các khoản phải thu | 199,496,501,735 | 218,506,382,985 | 91% |
| 3 | Hàng tồn kho | 46,438,145,980 | 40,459,702,158 | 114% |
| 4 | Tài sản ngắn hạn khác | 1,634,049,498 | 1,637,543,616 | 99% |
| B | Tài sản dài hạn | 32,697,643,512 | 34,516,690,209 | 95% |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 0 | 0 | |
| 2 | Tài sản cố định | 32,607,382,096 | 34,390,416,075 | 95% |
| 3 | Tài sản dài hạn khác | 90,261,416 | 126,274,134 | 71% |
| II | TỔNG NGUỒN VỐN | 281,954,443,103 | 296,404,619,566 | 95% |
| A | Nợ phải trả | 226,187,321,934 | 241,858,305,074 | 94% |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 224,817,558,471 | 240,860,276,156 | 93% |
| 2 | Nợ dài hạn | 1,369,763,463 | 998,028,918 | 137% |
| B | Vốn chủ sở hữu | 55,767,121,169 | 54,546,314,492 | 102% |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 200,000,000,000 | 200,000,000,000 | 100% |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần | 150,826,415 | 150,826,415 | 100% |
| 3 | Các quỹ | 14,984,594,051 | 14,984,594,051 | 100% |
| 4 | Lợi nhuận chưa phân phối | (159,368,299,297) | (160,589,105,974) | 99% |

a.2 Một số chỉ tiêu về lưu chuyển tiền tệ

DVT: Đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2023 | Năm 2024 so với năm 2023 |
|-----|--|-----------------|-----------------|--------------------------|
| 1 | Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh | (6,648,364,972) | 9,618,753,727 | |
| 2 | Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư | 29,179,178 | (1,739,291,071) | |
| 3 | Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính | 7,022,987,574 | (9,139,902,234) | |
| 4 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 403,801,780 | (1,260,439,578) | |
| 5 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 1,284,300,598 | 2,544,740,176 | 50.47% |
| 6 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 1,688,102,378 | 1,284,300,598 | 131.44% |

a.3 Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024:

DVT: Đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2023 | Năm 2024 so với năm 2023 |
|-----|--|--------------------|------------------------|--------------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 100,140,494,385 | 99,614,555,082 | 100.53% |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 89,428,406,109 | 82,771,868,192 | 108.04% |
| 3 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ. | 10,712,088,276 | 16,842,686,890 | 63.60% |
| 4 | Doanh thu hoạt động tài chính | 29,179,178 | 103,858,729 | 28.10% |
| 5 | Chi phí tài chính | 157,677,094 | 861,255,518 | 18.31% |
| 6 | - Trong đó : Lãi vay phải trả | 157,677,094 | 861,255,518 | 18.31% |
| 7 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 9,862,830,990 | 11,747,391,566 | 83.96% |
| 8 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD | 720,759,370 | 4,337,898,535 | 16.62% |
| 9 | Thu nhập khác | 3,231,662,855 | 4,847,829,461 | 66.66% |
| 10 | Chi phí khác | 2,731,615,548 | 8,174,042,790 | 33.42% |
| 11 | Lợi nhuận khác | 500,047,307 | (3,326,213,329) | |
| 12 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1,220,806,677 | 1,011,685,206 | 120.67% |
| 13 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 1,220,806,677 | 1,011,685,206 | 120.67% |
| 14 | Lãi cơ bản trên Cổ phiếu | 61 | 51 | |

a.4 Nhận xét, đánh giá:

- Báo cáo tài chính do Công ty lập và được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán đã phản ánh đầy đủ, trung thực, trên các khía cạnh trọng yếu kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2024 và tình hình tài chính của DOBC tại ngày 31/12/2024 phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán.

- Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tổng số lỗ lũy kế đến 31/12/2024 là 159,37 tỷ đồng, tương ứng 79,68% vốn góp của chủ sở hữu; nợ quá hạn chưa thanh toán là 87,05 tỷ đồng, nợ phải trả lớn gấp 4,06 lần vốn chủ sở hữu. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện nhiều hợp đồng lớn, đặc biệt tại dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 với tổng thầu EPC là Tổng Công ty. Mặt khác, Công ty cũng đang tích cực triển khai các biện pháp thu hồi công nợ cũng như đàm phán để gia hạn các khoản nợ phải trả đến hạn. Ngoài ra, Công ty cũng được cấp bảo lãnh từ các Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Vũng Tàu và Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - CN Vũng Tàu để phục vụ cho hoạt động trong năm 2025.

II. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc:

- Ban Giám đốc đã tổ chức hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ theo đúng các quy chế, quy định của Công ty, phù hợp với Điều lệ của Công ty và Luật doanh nghiệp hiện hành.

- Ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, có những giải pháp quyết liệt về quản lý sản xuất cũng như tiết giảm chi phí.

- Ban giám đốc đã chủ động báo cáo, đề xuất, xin ý kiến HĐQT thông qua chủ trương các vấn đề, nội dung công việc thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của HĐQT trong việc quản lý SXKD, đầu tư xây dựng, vay vốn, công tác cán bộ...

- Tùy theo tình hình sản xuất từng thời điểm, Giám đốc đã có sự phân công nhiệm vụ cho Phó giám đốc để điều hành và quản lý khi giám đốc đi vắng, có sự ủy quyền cho người thay thế điều hành Công ty.

III. Đánh giá hoạt động của HĐQT:

- HĐQT trong năm 2024 đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ phù hợp với Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp hiện hành và thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- HĐQT đã tích cực chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc để triển khai kịp thời đầy đủ các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành.

- Trong năm 2024 Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 Cuộc họp, đã ban hành 12 Nghị quyết và 10 Quyết định để Ban giám đốc triển khai mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng theo Điều lệ, Quy chế, Quy định của Công ty.

IV. Đánh giá công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ:

- Công ty không cơ cấu bộ phận chuyên trách làm công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Tuy nhiên việc kiểm tra giám sát hoạt động thi công được Công ty chú trọng.

- Trong việc quản trị và cảnh báo sớm rủi ro của Công ty: Phòng Tài chính – Kế toán đã có đánh giá thường xuyên.

V. Công tác phối hợp giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành:

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và BGD. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình Ban kiểm soát đã được HĐQT và BGD tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

VI. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do DOBC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; Giao dịch giữa Công ty với các Công ty mà Thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: *Không có*

VII. Đánh giá rủi ro tiềm ẩn:

1. Rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến kết quả SXKD cho các kỳ sau:

- Mặc dù năm 2024 công ty DOBC hạch toán lãi, tuy nhiên tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025 và các năm tiếp theo còn gặp nhiều khó khăn do đơn vị chưa có hợp đồng lớn, dự án tiếp nối, sản lượng các hợp đồng dự án chuyển tiếp còn giá trị thấp, đặc biệt tại một số hạng mục tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, đơn vị đã ghi nhận giá trị lợi nhuận, trong khi các hạng mục chưa được quyết toán dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn nhiều rủi ro thực hiện việc quyết toán, thanh lý các hợp đồng.

- Công ty khó cạnh tranh với các đơn vị để trúng thầu, các gói thầu lớn thường là đấu thầu EPC trong nước hoặc quốc tế, năng lực của DOBC không đáp ứng được và chỉ đóng vai trò là thầu phụ hoặc liên danh đối với gói thầu EPC nên khả năng công việc sẽ ít. Các hạng mục thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cơ bản sẽ hoàn thành, công ty phải đối diện với khó khăn tìm kiếm nguồn việc cho các năm tiếp theo.

- Đến thời điểm 31/12/2024, tổng các khoản phải thu ngắn hạn là 199,5 tỷ đồng, chiếm 71% trong tổng tài sản. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là: 193,7 tỷ đồng (*Đây là các khoản phải thu chủ yếu từ dự án Thái Bình 2, Long Sơn, các công trình khác... và các khoản thu theo tiến độ mà công ty đã thực hiện được và đang trong quá trình ký hoàn thiện hồ sơ chờ nghiệm thu thanh toán*). Trong các khoản phải thu ngắn hạn phần lớn là các đơn vị trong ngành Dầu Khí và Tổng Công ty LILAMA, chiếm 90% tổng công nợ phải thu ngắn hạn. Các khoản công nợ phải thu còn tồn đọng lớn khiến Công ty gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản công nợ cũ và các khoản công nợ đến hạn cho nhà cung cấp, tiền lương và các khoản bảo hiểm liên quan của người lao động. Đây là công nợ kéo dài từ những năm trước, nếu không thu hồi được đúng hạn sẽ dẫn đến khả năng trích lập dự phòng, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Cảnh báo sớm các rủi ro của Công ty:

- Năng lực và khả năng cạnh tranh trên thị trường của Công ty còn hạn chế về thiết bị thi công, tiềm lực tài chính, kinh nghiệm quản lý, nhân lực... Trong khi Công ty vẫn bị lỗ lũy kế, năm 2025 Công ty sẽ phải đối mặt với nguy cơ thiếu hụt về vốn để phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hiện nay, giá trị sản lượng, doanh thu của Công ty vẫn phụ thuộc vào các hợp đồng kinh tế của dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, trong khi đó, tại dự án này tồn đọng tiền thanh toán khối lượng quá nhiều, khối lượng dở dang còn lớn, công tác nghiệm

thu thanh toán gặp rất nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động SXKD, ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của Công ty trong thời gian tới.

VIII. Kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Công ty:

1. Về công tác xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Trên cơ sở các chỉ tiêu thực hiện năm 2024 và đánh giá khả năng thực hiện trong tương lai, Công ty cần xây dựng kế hoạch sản lượng doanh thu, chi phí, lợi nhuận, nhân sự, quỹ lương và các chỉ tiêu tài chính khác một cách khả thi cho năm 2025. Cần xem xét, đánh giá các yếu tố rủi ro để lập kế hoạch cho chỉ tiêu chi phí dự phòng trong kế hoạch chi phí hàng năm, xác định mức lãi gộp để lập kế hoạch doanh thu, sản lượng.

- Đối với kế hoạch thực hiện chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty hàng năm, công ty cần thực hiện các khoản chi phí chi không vượt quá theo Quyết định phê duyệt của HĐQT.

2. Về công tác tài chính- kế toán:

- Đảm bảo công tác hạch toán kế toán theo đúng chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

- Đối với công tác hạch toán kế toán cần tăng cường theo dõi, phân bổ chi phí SXKD chi tiết theo từng công trình/ từng hợp đồng. Xem xét đánh giá giá trị còn lại của khối lượng dở dang của các công trình/các hợp đồng kinh tế đơn vị đã thực hiện để đảm bảo công tác thanh quyết toán khi kết thúc các hợp đồng kinh tế có lãi theo đúng phương án SXKD đã được Tổng công ty phê duyệt. Bố trí cán bộ chuyên trách để theo dõi, quản lý chi phí. Đối chiếu thường xuyên tổng chi phí với tổng sản lượng thực hiện.

- Rà soát lại toàn bộ các khoản công nợ phải trả, phải thu. Đối với các khoản công nợ phải trả, làm việc với nhà cung cấp để giãn nợ, khoan nợ, thỏa thuận để giảm nợ và đưa ra lộ trình trả nợ trong một khoảng thời gian đủ dài để tập trung SXKD các hợp đồng mới. Sau khi có lợi nhuận từ các hợp đồng mới này sẽ trích khoản lợi nhuận đó để giải quyết các khoản công nợ trước khi tái cơ cấu.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí của từng dự án trong suốt quá trình thực hiện để cố gắng đảm bảo các dự án có hiệu quả.

- Tăng cường công tác thu vốn, tối ưu hóa dòng tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh được đảm bảo, tiết giảm chi phí tài chính. Cân đối nguồn tiền để ưu tiên chi trả nợ Bảo hiểm xã hội, tiền trợ cấp thất nghiệp để bảo đảm quyền lợi của người lao động, chi nộp thuế GTGT đến hạn và quá hạn để hạn chế tối đa các vi phạm về pháp luật hành chính.

- Giải quyết dứt điểm các khoản nợ còn lại của BHXH và BHYT cho CBCNV khi công ty có nguồn tài chính về.

3. Về công tác tổ chức, hành chính:

- Rà soát lao động toàn Công ty, tiếp tục cơ cấu lại bộ máy quản lý điều hành, tiết giảm chi phí để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Bồi dưỡng, đào tạo lại lao động hiện có (bằng cách tự đào tạo hoặc đào tạo bên ngoài) nhằm nâng cao chất lượng lao động đa năng, có thể đảm nhận nhiều vị trí khác nhau đáp ứng yêu cầu điều chuyển nội bộ một cách linh hoạt.

4. Công tác quản lý, quản trị khác

- Tập trung thu hồi các khoản công nợ phải thu để có vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và thanh toán các khoản gốc vay; khoản phải trả đến hạn; quá hạn cũng như để cải thiện khả năng thanh toán của Công ty. Đồng thời, tăng cường đôn đốc thu hồi, hoàn ứng sớm các khoản công nợ tạm ứng cá nhân đã đến hạn thanh toán. Đặc biệt các khoản nợ quá hạn, cần quyết liệt thu hồi/xử lý dứt điểm công nợ các khách hàng đã đủ điều kiện tránh để lâu dẫn đến thất thoát vốn. Trường hợp các khách hàng có công nợ phải trả không hợp tác, Công ty không thu hồi được nợ xét thấy cần thiết tiến hành khởi kiện/nhờ bên thứ ba hỗ trợ thu hồi.

- Tập trung rà soát khối lượng dở dang tại các dự án để lên phiếu giá thanh toán và thu hồi công nợ, trực tiếp đi đến công trình, dự án chi tiết mốc thanh toán và các hồ sơ pháp lý, hồ sơ kỹ thuật cũng như chi tiết các tồn tại vướng mắc của các mốc thanh toán để hoàn thiện hồ sơ thanh toán.

- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí quản lý sản xuất, giám sát hoạt động SXKD của Công ty và thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong Công ty và trong các dự án, cố gắng đảm bảo tất cả các công trình/Dự án Công ty thi công đều đạt hiệu quả.

- Quyết liệt, đôn đốc và bố trí nhân lực tập trung hoàn tất hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán các hạng mục đã hoàn thành, nhằm thu hồi vốn phục vụ thi công các hạng mục dở dang tại Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2.

- Thực hiện kiểm kê khối lượng dở dang đúng quy định, để xác định, đánh giá được hiệu quả của các công trình, dự án mà đơn vị đang thực hiện, tăng cường vai trò kiểm soát chi phí sản xuất dở dang tại các công trình, dự án đang thi công, đồng thời bám sát, bảo vệ quyết toán với chủ đầu tư/tổng thầu không giảm đầu thu, đảm bảo công trình/hạng mục có lãi như tỷ lệ đã phê duyệt.

- Giám sát và quản lý chặt chẽ chi phí tại Chi nhánh Xí nghiệp, các Dự án Công trình giao khoán.

- Xây dựng, rà soát hoàn thiện quy chế, quy định về quản lý nội bộ của Công ty nhằm tăng cường giám sát tình hình tài chính và kiểm soát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của đơn vị.

- Tiếp tục nghiên cứu các phương án/ giải pháp tái cơ cấu ngắn và dài hạn các mặt hoạt động của Công ty phù hợp với định hướng của Tổng Công ty để từng bước ổn định hoạt động của Công ty trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

IX. Kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Cổ đông lớn PETROCONS:

Đề nghị cổ đông lớn PETROCONS hỗ trợ và tạo điều kiện thanh toán các công nợ cũ, và thanh toán kịp thời các hồ sơ thanh toán hoàn thành trong thời gian tới tạo thuận lợi để cho DOBC thực hiện được các khối lượng công việc tại dự án NMNĐ Thái Bình 2. Hoàn tất thanh quyết toán các hạng mục thi công hoàn thành Dự án, tạo thuận lợi cho Công ty thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước, trả tiền Bảo hiểm, trả lương CBCNV, trả nợ khách hàng, đảm bảo năng lực đấu thầu của Công ty nhằm tăng hiệu quả quản lý, điều hành SXKD của đơn vị.

- Hỗ trợ DOBC thu hồi công nợ tại PVC-MS, xử lý dứt điểm công nợ giữa PVC-MS và DOBC.

- Tiếp tục hỗ trợ giao thêm việc cho Công ty DOBC, cụ thể là công tác bảo hành tại dự án nhà máy Nhiệt Điện Thái Bình 2 và các dự án khác mà Tổng công ty là Tổng thầu phù hợp với năng lực của Công ty DOBC.

PHẦN III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của HĐQT và Ban Giám đốc. Giám sát việc thực hiện, tuân thủ chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.
- Thẩm định Báo cáo kết quả SXKD của Công ty; Báo cáo tài chính sau kiểm toán.
- Tiếp tục giám sát việc thực hiện quy trình tái cơ cấu Công ty theo đề án đã được HĐQT Công ty ban hành. Kiểm tra giám sát công tác nhân sự, tuyển dụng lao động, chi trả tiền lương và thu nhập.
- Kiểm tra công tác sử dụng vốn đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích để bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Đề xuất ý kiến HĐQT, Ban giám đốc về công tác quản lý điều hành và kinh doanh của Công ty trên cơ sở kết quả kiểm tra.
- Thực hiện các công tác khác theo yêu cầu của cổ đông, theo quy định của pháp luật.
- Tham dự các cuộc họp HĐQT và giao ban của Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý điều hành có kiến nghị kịp thời cho HĐQT và Ban Giám đốc.
- Tham gia phối hợp với các đoàn kiểm tra kiểm soát của Tập đoàn, Tổng Công ty và các cơ quan nhà nước khi có yêu cầu.

Trên đây là báo cáo công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025. Ban Kiểm soát kính trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD PETROCONS (để b/c);
- HĐQT, Ban GD DOBC (để biết);
- Lưu VT, BKS.



PHỤ LỤC
TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024.

Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024, cụ thể tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2024 là 252.434.566 đồng, đạt 97% kế hoạch được duyệt.

ĐVT: VNĐ

| TT | Họ và tên | Chức danh | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2024 | Ghi chú |
|----|---------------------|------------|--------------------|--------------------|---|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Phụng | Trưởng ban | 233.108.000 | 227.434.566 | |
| 2 | Bà Vũ Thị Châm | TV BKS | 26.000.000 | 25.000.000 | |
| 3 | Ông Nguyễn Mậu Thơ | TV BKS | | | Lương là CV P. KTKT. không hưởng thù lao kiêm nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ (Từ 01/01/2024 đến 21/5/2024) |
| 4 | Ông Lê Trung Can | TV BKS | | | Lương là CV P. KTKT. không hưởng thù lao kiêm nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ (Từ 21/5/2024 đến 31/12/2024) |
| | TỔNG CỘNG | | 259.108.000 | 252.434.566 | |

II. KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG/THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NĂM 2025

- Căn cứ số lượng thành viên của Ban kiểm soát theo Điều lệ quy định và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của DOBC;
- Căn cứ Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của các cấp và ban ngành có liên quan;
- Do tình hình công việc trong năm 2025 sẽ còn gặp nhiều khó khăn, nên đề xuất việc chi trả thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát như sau:

1- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách làm việc tại Công ty hưởng mức lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng tại Công ty; hiệu quả hoạt động SXKD tại Công ty áp dụng theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ Việt Nam.

2- Đối với thành viên BKS kiêm nhiệm không hưởng lương Công ty: 2.000.000 đ/người/tháng.

3- Đối với thành viên BKS hưởng lương Công ty thì không nhận thù lao kiêm nhiệm.

- Kế hoạch tiền lương/thù lao và chi phí hoạt động của BKS năm 2025 là:

ĐVT: đồng

| TT | Họ và tên | Thù lao kiêm nhiệm năm 2025 | Tiền lương năm 2025 | Ghi chú |
|----|---------------------------|-----------------------------|---------------------|---|
| 1 | Trưởng BKS | | 220.027.000 | |
| 2 | Thành viên BKS | | | Lương là CV P. KTKT, không hưởng thù lao kiêm nhiệm |
| 3 | Thành viên BKS kiêm nhiệm | 26.000.000 | | |
| | Tổng cộng | 26.000.000 | 220.027.000 | |

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Số: 08...../TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu Khí.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần xây lắp đường ống bể chứa Dầu Khí;

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/05/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu Khí (DOBC) đã lựa chọn Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 của DOBC (Đính kèm theo báo cáo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hồ Sỹ Hoàng

TỔNG CÔNG TY
CÓ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09 /TTr – HĐQT

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

**V/v: Phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 và
kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/6/2021;

Căn cứ Báo cáo Tài chính về kết quả sản xuất kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Hãng kiểm toán AASC;

Căn cứ Quy chế tài chính Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí.

Hội đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC) kính đề nghị Đại hội Đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua phương án chia lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch năm 2025:

I- Phương án phân chia lợi nhuận năm 2024:

| TT | Nội dung các khoản mục | Tỷ lệ/ĐVT | Thành tiền |
|-----|---|-----------|-----------------|
| I | Lỗ lũy kế tại thời điểm 31/12/2024 | VND | 159.368.299.297 |
| II | Tổng lợi nhuận sau thuế dự kiến phân phối | VND | 1.220.806.677 |
| 1 | Lợi nhuận sau thuế năm 2024 | VND | 1.220.806.677 |
| III | Dự kiến phân chia | VND | - |
| 1 | Trích quỹ khen thưởng | 0% | - |
| 2 | Trích quỹ phúc lợi | 0% | - |
| 3 | Trích quỹ đầu tư phát triển | 0% | - |
| 4 | Chia cổ tức cho cổ đông | 0% | - |
| IV | Lợi nhuận giữ lại của năm 2024 để bù lỗ lũy kế (II – III) | VND | 1.220.806.677 |

II- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

Lợi nhuận đạt được năm 2025 (nếu có) tiếp tục được sử dụng để bù đắp phần lỗ lũy kế để lại.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- HĐQT/TGĐ - Petrocons (để b/c);
- Lưu: VT.



Số: 10 /TTr-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao năm 2024 và kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao năm 2025 của HĐQT và Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 23/6/2021;

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ Việt Nam về việc quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán tiền lương, thù lao năm 2024 và phương án chi trả tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

I. Quyết toán tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2024 (Thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024): 694.682.165 đồng

1. Tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị: 442.247.599 đồng, trong đó:

- Tổng tiền lương, thù lao của HĐQT: 379.747.599 đồng
- Tổng thù lao HĐQT độc lập: 62.500.000 đồng

2. Tiền lương, thù lao cho Ban kiểm soát: 252.434.566 đồng, trong đó:

- Tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát: 227.434.566 đồng
- Tổng thù lao của BKS kiêm nhiệm: 25.000.000 đồng

II. Phương án chi trả tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025:

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và số lượng thành viên Ban kiểm soát theo điều lệ quy định và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí;

Do tình hình công việc trong năm 2025 còn nhiều thách thức khó khăn, nên HĐQT đề xuất việc chi trả tiền lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

1- Đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách làm việc chế độ thường xuyên tại Văn phòng Công ty hưởng mức lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng tại Công ty phù hợp với hiệu quả SXKD của đơn vị và Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ Việt Nam.

2- Đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm:

- Giao HĐQT thỏa thuận với các Thành viên HĐQT và Thành viên Ban kiểm soát đã được hưởng lương của Công ty để không chi trả thù lao.

- Chi trả thù lao cho các Thành viên HĐQT và Thành viên Ban kiểm soát không hưởng lương của Công ty:

+ Thành viên HĐQT: **5 triệu** đồng/người/tháng.

+ Thành viên Ban kiểm soát: **2 triệu** đồng/người/tháng.

3- Tiền lương, thù lao của thành viên độc lập HĐQT:

- Trường hợp Thành viên HĐQT làm việc thường xuyên theo chế độ làm việc của Công ty được chi trả tiền lương và các chế độ khác theo chế độ áp dụng đối với Thành viên HĐQT chuyên trách là Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại DOBC.

- Trường hợp Thành viên làm việc không thường xuyên tại cơ quan Công ty (không chuyên trách) được hưởng mức thù lao là **5.000.000** đồng/người/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua để Công ty làm cơ sở thực hiện.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- PETROCONS (để b/c);
- HĐQT, BKS, BGĐ DOBC (để biết);
- Lưu VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Sỹ Hoàng

BẢNG QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HĐQT VÀ BKS NĂM 2024

ĐVT : VNĐ

| TT | Họ và tên Người đại diện | Chức danh | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2024 | So sánh so với kế hoạch | | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------------------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|-------|---|
| | | | | | Số tiền | Tỷ lệ | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=5-4 | 7=5/4 | 8 |
| I | Hội đồng quản trị | | | | | | |
| 1.1 | Chuyên trách | | | | | | |
| 1 | Hồ Sỹ Hoàng | Chủ tịch HĐQT | 294.954.000 | 286.829.296 | (8.124.704) | 97,2% | |
| 2 | Trần Vũ Phụng | TV HĐQT (Từ T1-21/5) | 260.727.000 | 92.918.303 | (167.808.697) | 35,6% | |
| 1.2 | Kiểm nhiệm | | | | | | |
| 3 | Phạm Văn Thu | TV HĐQT (Từ 21/5-31/12) kiêm Giám đốc | | | | | Hưởng lương BDH |
| 1.3 | Thù lao Thành viên độc lập HĐQT | | | | | | |
| 4 | Lê Hưng | TV độc lập HĐQT (Từ T1-21/5) | 65.000.000 | 25.833.333 | (2.500.000) | 96% | |
| 5 | Hoàng Ngọc Triều | TV độc lập HĐQT (Từ 21/5 - 31/12) | | 36.666.667 | | | |
| | Tổng cộng (I) | | 620.681.000 | 442.247.599 | (178.433.401) | 71,3% | |
| II | Ban kiểm soát | | | | | | |
| 2.1 | Chuyên trách | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Phụng | Trưởng BKS | 233.108.000 | 227.434.566 | (5.673.434) | 97,6% | |
| 2.2 | Kiểm nhiệm | | | | | | |
| 2 | Nguyễn Mậu Tho | Thành viên BKS (T1-21/5) | | | | | Lương là CV P. KTKT, không hưởng thù lao kiêm nhiệm |
| 3 | Lê Trung Can | Thành viên BKS (Từ 21/5 -31/12) | | | | | " |
| 2.3 | Thù lao | | | | | | |
| 4 | Vũ Thị Châm | Thành viên BKS | 26.000.000 | 25.000.000 | (1.000.000) | 96% | |
| | Tổng cộng (II) | | 259.108.000 | 252.434.566 | (6.673.434) | 97% | |
| | TỔNG CỘNG (I+II) | | 879.789.000 | 694.682.165 | (185.106.835) | 79,0% | |

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 11 tháng 04 năm 2025

Chức vụ đơn vị

XÂY LẬP ĐƯỜNG
ỐNG BỂ CHỨA
DẦU KHÍ

Phạm Văn Thu

TỔNG CÔNG TY
CÔ PHÂN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

| TT | Chức danh/Vị trí công việc | Hệ số lương | | Mức phụ cấp | | | | Qtled (1.000đ) | Qtlhq (1.000đ) | Qpc (1.000đ) | Qtlbs (1.000đ (1 tháng) | Qtlkh (1.000đ) | Ghi chú |
|-----------|----------------------------|--------------------|-------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|-------------------|-------------------|---------------------|-------------------------------|-------------------|--|
| | | Lương chức danh | Lương hiệu quả (T1-T12) | Hệ số phụ cấp chức danh | Phụ cấp thu hút (%) | Phụ cấp kiêm nhiệm (1.000đ) | Thưởng an toàn (1000 đ) | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| I | Hội đồng quản trị | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 7,3 | 15 | | | | | 122.640 | 133.875 | | 21.376 | 277.891 | |
| 2 | TV HĐQT | 6,31 | 13,5 | | | | | 106.008 | 120.488 | | 18.875 | 245.370 | |
| 3 | Thành viên độc lập HĐQT | | | | | 5.000 | | | | | 5.000 | 65.000 | |
| II | Ban kiểm soát | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Trưởng BKS | 5,98 | 11,5 | | | | | 100.464 | 102.638 | | 16.925 | 220.027 | |
| 2 | Thành viên BKS | | | | | | | | | | | | Lương là CV phòng, không hưởng thù lao kiêm nhiệm |
| 3 | Thành viên BKS kiêm nhiệm | | | | | 2.000 | | | | | 2.000 | 26.000 | |
| | | | | | | | | 329.112 | 357.000 | - | 64.176 | 834.288 | |

Ngày 15 tháng 04 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Điền Thị Tú

Đàm Quang Hưng



Phạm Văn Thu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 170 TT_r - DOBC

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán độc lập hàng đầu sau làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí:

- 1- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- 2- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.
- 3- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD, BKS PETROCONS (đề b/c);
- HĐQT, BKS, Ban GD DOBC (đề biết);
- Lưu VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT

350083 **TRƯỜNG BAN**



Nguyễn Thị Phương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP
ĐƯỜNG ỐNG BÉ CHỨA DẦU KHÍ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

| | Trang |
|--------------------------------------|---------|
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 02 - 03 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 04 - 05 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 06 - 32 |
| Bảng cân đối kế toán | 06 - 07 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 08 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 09 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 10 - 32 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đường ống Bồn bể Dầu khí được thành lập theo Quyết định số 02/QĐ-HĐQT-TCT ngày 21 tháng 12 năm 2007 và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 963/QĐ-XLKD ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3500833615 được cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009 bởi Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và thay đổi lần thứ 14 ngày 23 tháng 01 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 35G đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|----------------------|--------------------|------------------------------|
| Ông Hồ Sỹ Hoàng | Chủ tịch | |
| Ông Phạm Văn Thu | Thành viên | (Bổ nhiệm ngày 21/05/2024) |
| Ông Hoàng Ngọc Triều | Thành viên độc lập | (Bổ nhiệm ngày 21/05/2024) |
| Ông Lê Hưng | Thành viên độc lập | (Miễn nhiệm ngày 21/05/2024) |
| Ông Trần Vũ Phương | Thành viên | (Miễn nhiệm ngày 21/05/2024) |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|---------------------|--------------|---|
| Ông Phạm Văn Thu | Giám đốc | (Bổ nhiệm ngày 11/01/2024 trước đó là Phó Giám đốc phụ trách - người đại diện theo pháp luật của công ty) |
| Ông Mai Đình Bảo | Phó Giám đốc | |
| Ông Huỳnh Đình Việt | Phó Giám đốc | |

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

| | | |
|----------------------|------------|------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Phương | Trưởng ban | |
| Ông Lê Trung Can | Thành viên | (Bổ nhiệm ngày 21/05/2024) |
| Bà Vũ Thị Châm | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Mậu Thor | Thành viên | (Miễn nhiệm ngày 21/05/2024) |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Phạm Văn Thu - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc
**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP ĐƯỜNG
ỐNG BỂ CHỨA**
Phạm Văn Thu
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 03 năm 2025



Số: 270325.031/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Các thửa đất số 35D và 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nằm trong diện tích lô đất đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ra quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 về việc thu hồi lại thửa đất và yêu cầu PETROCONS di dời toàn bộ tài sản trên đất. Hiện tại, Công ty chưa bị thu hồi lại và vẫn đóng tiền thuê đất hàng năm.

Năm 2023, Công ty đã thanh lý hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 35D đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu từ Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC - IC) ghi nhận giảm toàn bộ nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng ban đầu, đồng thời ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 như sau:

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm 2023 VND | Thuyết minh |
|--------------------------------------|-------|-----------------|-------------|
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định | 31 | 4.842.228.728 | 25 |
| Chi phí bồi thường | 32 | 2.908.943.070 | 26 |

Đối với thửa đất 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty vẫn chưa thanh lý hợp đồng, chưa bán giao lại cho PVC - IC và vẫn đang ghi nhận trên Báo cáo tài chính như sau:

| Chỉ tiêu | Mã số | Tại ngày 01/01/2024 VND | Tại ngày 31/12/2024 VND | Thuyết minh |
|--|-------|-------------------------------|-------------------------------|----------------|
| Nguyên giá tài sản cố định vô hình | 228 | 4.407.000.000 | 4.407.000.000 | 11 |
| Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình | 229 | 3.525.600.000 | 3.966.300.000 | 11 |

Chi phí khấu hao đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 440.700.000 VND.

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các tài liệu liên quan đến số dư tại ngày 31/12/2023 và ngày 31/12/2024 của các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 11,67 tỷ VND và 15,55 tỷ VND; các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 11,48 tỷ VND và 10,31 tỷ VND.

Giá trị các khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 31/12/2023 và ngày 31/12/2024 lần lượt là 106,22 tỷ VND và 131,89 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá trích lập dự phòng.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính tới các sự kiện được nêu ở Thuyết minh số 1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Báo cáo tài chính kèm theo vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến từ chối nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Duy Quảng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|--------------|--|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 249.256.799.591 | 261.887.929.357 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 1.688.102.378 | 1.284.300.598 |
| 111 | 1. Tiền | | 1.688.102.378 | 1.284.300.598 |
| 130 | II. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 199.496.501.735 | 218.506.382.985 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 4 | 193.745.051.933 | 213.623.731.067 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 5 | 3.508.029.025 | 1.313.461.205 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 6 | 33.840.037.961 | 35.165.807.897 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (31.596.617.184) | (31.596.617.184) |
| 140 | III. Hàng tồn kho | 8 | 46.438.145.980 | 40.459.702.158 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 62.226.450.591 | 51.276.557.860 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (15.788.304.611) | (10.816.855.702) |
| 150 | IV. Tài sản ngắn hạn khác | | 1.634.049.498 | 1.637.543.616 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 9 | 36.791.799 | 40.285.917 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 1.397.673.282 | 1.397.673.282 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 14 | 199.584.417 | 199.584.417 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 32.697.643.512 | 34.516.690.209 |
| 220 | I. Tài sản cố định | | 32.607.382.096 | 34.390.416.075 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 10 | 32.166.682.096 | 33.509.016.075 |
| 222 | - Nguyên giá | | 126.567.699.350 | 127.848.110.632 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (94.401.017.254) | (94.339.094.557) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 11 | 440.700.000 | 881.400.000 |
| 228 | - Nguyên giá | | 4.596.062.000 | 4.596.062.000 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (4.155.362.000) | (3.714.662.000) |
| 260 | II. Tài sản dài hạn khác | | 90.261.416 | 126.274.134 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 9 | 90.261.416 | 126.274.134 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 281.954.443.103 | 296.404.619.566 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 226.187.321.934 | 241.858.305.074 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 224.817.558.471 | 240.860.276.156 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 13 | 109.219.034.754 | 114.092.665.505 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 12 | 33.310.773.117 | 31.257.238.271 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 14 | 13.935.222.475 | 22.223.716.517 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 10.109.314.212 | 22.438.401.412 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 15 | 31.217.663.744 | 26.411.446.321 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 16 | 15.163.700.431 | 19.597.945.966 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 17 | 11.513.000.000 | 4.490.012.426 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 348.849.738 | 348.849.738 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 1.369.763.463 | 998.028.918 |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | 16 | 1.369.763.463 | 998.028.918 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 55.767.121.169 | 54.546.314.492 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 18 | 55.767.121.169 | 54.546.314.492 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 150.826.415 | 150.826.415 |
| 418 | 3. Quỹ đầu tư phát triển | | 14.984.594.051 | 14.984.594.051 |
| 421 | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | (159.368.299.297) | (160.589.105.974) |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | (160.589.105.974) | (161.600.789.180) |
| 421b | - LNST chưa phân phối năm nay | | 1.220.806.677 | 1.011.683.206 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 281.954.443.103 | 296.404.619.566 |

Đặng Thị Ngọc
Người lập biểu

Đàm Quang Hưng
Phụ trách Phòng TC - KT

Phạm Văn Thu
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2024

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|-------|--|-------------|----------------------|----------------------|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 100.140.494.385 | 99.614.555.082 |
| 10 | 2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 100.140.494.385 | 99.614.555.082 |
| 11 | 3. Giá vốn hàng bán | 21 | 89.428.406.109 | 82.771.868.192 |
| 20 | 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 10.712.088.276 | 16.842.686.890 |
| 21 | 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 22 | 29.179.178 | 103.856.729 |
| 22 | 6. Chi phí tài chính | 23 | 157.677.094 | 861.255.518 |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | 157.677.094 | 861.255.518 |
| 26 | 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 24 | 9.862.830.990 | 11.747.391.566 |
| 30 | 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 720.759.370 | 4.337.896.535 |
| 31 | 9. Thu nhập khác | 25 | 3.231.662.855 | 4.847.829.461 |
| 32 | 10. Chi phí khác | 26 | 2.731.615.548 | 8.174.042.790 |
| 40 | 11. Lợi nhuận khác | | 500.047.307 | (3.326.213.329) |
| 50 | 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 1.220.806.677 | 1.011.683.206 |
| 51 | 13. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 27 | - | - |
| 60 | 14. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | <u>1.220.806.677</u> | <u>1.011.683.206</u> |
| 70 | 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 28 | <u>61</u> | <u>51</u> |


Đặng Thị Ngọc
Người lập biểu


Đàm Quang Hưng
Phụ trách Phòng TC - KT



Vũng Tàu, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|--|--|-------------|------------------------|------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 1.220.806.677 | 1.011.683.206 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | | 1.783.033.979 | 2.091.775.150 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | 4.971.448.909 | 32.030.360 |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (29.179.178) | (4.946.085.457) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 157.677.094 | 861.255.518 |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | 8.103.787.481 | (949.341.223) |
| | trước thay đổi vốn lưu động | | | |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | 19.009.881.250 | (11.489.123.605) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | (10.949.892.731) | 23.259.645.023 |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả | | (22.797.786.575) | (346.494.591) |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 39.506.836 | (77.636.420) |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (53.861.233) | (778.295.457) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | (6.648.364.972) | 9.618.753.727 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | | - | (1.843.147.800) |
| 27 | 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 29.179.178 | 103.856.729 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | 29.179.178 | (1.739.291.071) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 33 | 1. Tiền thu từ đi vay | | 9.033.000.000 | 9.151.668.033 |
| 34 | 2. Tiền trả nợ gốc vay | | (2.010.012.426) | (18.291.570.267) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 7.022.987.574 | (9.139.902.234) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | 403.801.780 | (1.260.439.578) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 1.284.300.598 | 2.544.740.176 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 3 | 1.688.102.378 | 1.284.300.598 |

Đặng Thị Ngọc
Người lập biểu

Đàm Quang Hưng
Phụ trách Phòng TC - KT

Phạm Văn Thu
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đường ống Bồn bể Dầu khí được thành lập theo Quyết định số 02/QĐ-HĐQT-TCT ngày 21 tháng 12 năm 2007 và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 963/QĐ-XLDK ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3500833615 được cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009 bởi Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và thay đổi lần thứ 14 ngày 23 tháng 01 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại : Số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 VND, tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 105 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 114 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng công trình

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường ống, bồn bể chứa, thi công các công trình đường ống dẫn khí, dẫn ga, dẫn xăng, dẫn dầu, dẫn nước,...
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, lắp đặt hệ thống điện.
- Hoàn thiện công trình xây dựng: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa, chống ăn mòn các công trình dầu khí.
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ các hoạt động kinh doanh chính là xây lắp và cung cấp các sản phẩm công nghiệp cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí. Trong năm Công ty chủ yếu được nghiệm thu khối lượng hoàn thành các công trình cũ với Tổng Công ty với tổng doanh thu xây dựng giảm nhẹ 1,81 tỷ VND. Tuy nhiên phần doanh thu dịch vụ tăng 2,33 tỷ VND do tăng cường khai thác kinh doanh cho thuê tài sản mà năm 2023 chưa tận dụng được. Ngoài ra, trong năm Công ty cũng đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 4,97 tỷ VND dẫn tới lãi gộp biến động giảm mạnh.

Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tổng số lỗ lũy kế đến 31/12/2024 là 159,37 tỷ VND, tương ứng 79,68% vốn góp của chủ sở hữu; nợ quá hạn chưa thanh toán là 87,05 tỷ VND (xem thuyết minh số 13 và 16); nợ phải trả lớn gấp 4,06 lần vốn chủ sở hữu. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện nhiều hợp đồng lớn, đặc biệt tại dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 với tổng thầu EPC là Tổng Công ty. Mặt khác, Công ty cũng đang tích cực triển khai các biện pháp thu hồi công nợ cũng như đàm phán để gia hạn các khoản nợ phải trả đến hạn. Ngoài ra, Công ty cũng được cấp bảo lãnh từ các Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Vũng Tàu và Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - CN Vũng Tàu để phục vụ cho hoạt động trong năm 2025.

Với các giải pháp đang triển khai, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn trong ít nhất 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính |
|----------------------------|-----------------|-----------------------------------|
| Xí nghiệp xây lắp số 1 | Bà Rịa Vũng Tàu | Xây dựng công trình |
| Xí nghiệp xây lắp số 2 | Bà Rịa Vũng Tàu | Xây dựng công trình |
| Xí nghiệp xây lắp số 3 | Bà Rịa Vũng Tàu | Xây dựng công trình |
| Xí nghiệp xây lắp số 5 (*) | Bà Rịa Vũng Tàu | Xây dựng công trình |

(*) Theo Quyết định số 31/QĐ-HĐQT ngày 13/04/2017 của Hội đồng quản trị Công ty, Xí nghiệp xây lắp số 5 đang trong quá trình thực hiện các thủ tục giải thể.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ ... đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 40 năm |
| - Máy móc, thiết bị khác | 05 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải | 05 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 10 năm |

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích.

2.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chỉ tiết theo nguyên tệ.

2.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán

Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thi công các công trình,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

2.16 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư

xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.18 Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 Thông tin bộ phận

Trong năm, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Đồng thời, hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 8.631.356 | 14.489.723 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 1.679.471.022 | 1.269.810.875 |
| | 1.688.102.378 | 1.284.300.598 |

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Bên liên quan | 115.536.259.087 | (1.099.026.063) | 128.645.910.157 | (1.099.026.063) |
| Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 97.230.115.579 | (36.298.833) | 111.782.418.708 | (36.298.833) |
| Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí | 17.243.416.278 | - | 15.800.764.219 | - |
| Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn | 1.062.727.230 | (1.062.727.230) | 1.062.727.230 | (1.062.727.230) |
| Bên khác | 78.208.792.846 | (1.575.285.858) | 84.977.820.910 | (1.575.285.858) |
| Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP | 57.993.769.497 | - | 74.894.136.387 | - |
| DOOSAN Heavy Industries & Construction Co.,LTD | 11.067.401.500 | - | - | - |
| Các khách hàng khác | 9.147.621.849 | (1.575.285.858) | 10.083.684.523 | (1.575.285.858) |
| | 193.745.051.933 | (2.674.311.921) | 213.623.731.067 | (2.674.311.921) |

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty TNHH Đức Minh | 262.654.352 | (262.654.352) | 262.654.352 | (262.654.352) |
| Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí Xây dựng Thương mại Quang Minh | 326.480.000 | (326.480.000) | 326.480.000 | (326.480.000) |
| Công ty CP Kra Group | 1.324.113.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Tự động hoá HV99 | 816.000.000 | - | - | - |
| Các người bán khác | 778.781.673 | (174.151.554) | 724.326.853 | (174.151.554) |
| | 3.508.029.025 | (763.285.906) | 1.313.461.205 | (763.285.906) |

6 PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|--|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Phải thu về tạm ứng | 735.325.386 | - | 1.379.047.240 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 986.344.133 | - | 1.724.412.373 | - |
| Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí | 26.414.393.577 | (26.414.393.577) | 26.414.393.577 | (26.414.393.577) |
| Các đối tượng khác | 5.703.974.865 | (1.744.625.780) | 5.647.954.707 | (1.744.625.780) |
| | 33.840.037.961 | (28.159.019.357) | 35.165.807.897 | (28.159.019.357) |
| Trong đó: Bên liên quan | | | | |
| - Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn | 62.118.449 | (62.118.449) | 62.118.449 | (62.118.449) |
| | 62.118.449 | (62.118.449) | 62.118.449 | (62.118.449) |

7 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|---|-----------------------|----------------------------------|-----------------------|----------------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| a) Phải thu của khách hàng | 2.674.311.921 | - | 2.674.311.921 | - |
| Ban Quản lý dự án huyện Côn Đảo | 1.128.290.399 | - | 1.128.290.399 | - |
| Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn | 1.062.727.230 | - | 1.062.727.230 | - |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Dầu khí Hà Nội | 149.346.035 | - | 149.346.035 | - |
| Các đối tượng khác | 333.948.257 | - | 333.948.257 | - |
| b) Trả trước cho người bán | 763.285.906 | - | 763.285.906 | - |
| c) Phải thu khác | 28.159.019.357 | - | 28.159.019.357 | - |
| Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí | 26.414.393.577 | - | 26.414.393.577 | - |
| Các đối tượng khác | 1.744.625.780 | - | 1.744.625.780 | - |
| | 31.596.617.184 | - | 31.596.617.184 | - |

B HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|---|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 959.891.327 | (518.154.900) | 962.241.567 | (518.154.900) |
| Công cụ, dụng cụ | 1.276.998.485 | (641.939.651) | 1.315.164.015 | (126.922.432) |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i) | 59.989.560.779 | (14.628.210.060) | 48.999.152.278 | (10.171.778.370) |
| | 62.226.450.591 | (15.788.304.611) | 51.276.557.860 | (10.816.855.702) |

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 | 55.433.419.418 | 44.782.440.314 |
| Công trình Ethanol Phú Thọ | 392.707.612 | 392.707.612 |
| Công trình Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 | 3.739.481.748 | 3.739.481.748 |
| Các công trình khác | 423.952.001 | 84.522.604 |
| | 59.989.560.779 | 48.999.152.278 |

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--------------------------------------|-------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 13.200.000 | 1.327.272 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 23.591.799 | 38.958.645 |
| | 36.791.799 | 40.285.917 |
| b) Dài hạn | | |
| Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định | 25.025.142 | 124.306.542 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 65.236.274 | 1.967.592 |
| | 90.261.416 | 126.274.134 |

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|-------------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------------------|------------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 52.508.917.435 | 32.267.533.583 | 42.516.717.008 | 554.942.606 | 127.848.110.632 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (1.280.411.282) | - | - | (1.280.411.282) |
| Số dư cuối năm | 52.508.917.435 | 30.987.122.301 | 42.516.717.008 | 554.942.606 | 126.567.699.350 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 19.182.393.108 | 32.248.734.847 | 42.353.023.996 | 554.942.606 | 94.339.094.557 |
| - Khấu hao trong năm | 1.198.726.623 | 18.306.392 | 125.300.964 | - | 1.342.333.979 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (1.280.411.282) | - | - | (1.280.411.282) |
| Số dư cuối năm | 20.381.119.731 | 30.986.629.957 | 42.478.324.960 | 554.942.606 | 94.401.017.254 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 33.326.524.327 | 18.798.736 | 163.693.012 | - | 33.509.016.075 |
| Tại ngày cuối năm | 32.127.797.704 | 492.344 | 38.392.048 | - | 32.166.682.096 |

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 0 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 0 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 80.351.608.936 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 79.992.546.936 VND).

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất (i) VND | Phần mềm quản lý VND | Cộng VND |
|-------------------------------|------------------------------|-------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 4.407.000.000 | 189.062.000 | 4.596.062.000 |
| Số dư cuối năm | 4.407.000.000 | 189.062.000 | 4.596.062.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 3.525.600.000 | 189.062.000 | 3.714.662.000 |
| - Khấu hao trong năm | 440.700.000 | - | 440.700.000 |
| Số dư cuối năm | 3.966.300.000 | 189.062.000 | 4.155.362.000 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu năm | 881.400.000 | - | 881.400.000 |
| Tại ngày cuối năm | 440.700.000 | - | 440.700.000 |

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 189.062.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 189.062.000 VND).

(i) Quyền sử dụng đất và dịch vụ trên đất của thửa đất 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã bị thu hồi theo Quyết định số 3339/QĐ-UBND được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt ngày 28 tháng 10 năm 2022.

12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 31/12/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Bên liên quan | 24.882.363.307 | 30.288.186.241 |
| Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 24.882.363.307 | 30.288.186.241 |
| Bên khác | 8.428.409.810 | 969.052.030 |
| DOOSAN Heavy industries & Construction Co.,LTD | 7.769.315.853 | - |
| Công ty CP Dịch vụ Di động Trực Tuyến | - | 628.197.230 |
| Các khách hàng khác | 659.093.957 | 340.854.800 |
| | 33.310.773.117 | 31.257.238.271 |

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Bên liên quan | 3.746.133.136 | 3.746.133.136 | 2.576.740.619 | 2.576.740.619 |
| Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam | - | - | 455.511.225 | 455.511.225 |
| Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí | 3.657.587.195 | 3.657.587.195 | 2.032.683.453 | 2.032.683.453 |
| Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội | 88.545.941 | 88.545.941 | 88.545.941 | 88.545.941 |
| Bên khác | 105.472.901.618 | 105.472.901.618 | 111.515.924.886 | 111.515.924.886 |
| Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim JSC) | 24.995.000.000 | 24.995.000.000 | 26.995.000.000 | 26.995.000.000 |
| Công ty CP Xây lắp và Thương mại Kỹ thuật Long Thành | 5.602.877.148 | 5.602.877.148 | 11.423.947.476 | 11.423.947.476 |
| Công ty CP Kỹ thuật Nền móng FECON | 6.189.525.220 | 6.189.525.220 | 6.189.525.220 | 6.189.525.220 |
| Các người bán khác | 68.685.499.250 | 68.685.499.250 | 66.907.452.190 | 66.907.452.190 |
| | 109.219.034.754 | 109.219.034.754 | 114.092.665.505 | 114.092.665.505 |
| Số nợ quá hạn chưa thanh toán (i) | | | | |
| Công ty CP Thương mại Dầu khí | 24.995.000.000 | 24.995.000.000 | 26.995.000.000 | 26.995.000.000 |
| Công ty CP Kỹ thuật Nền móng FECON | 6.189.525.220 | 6.189.525.220 | 6.189.525.220 | 6.189.525.220 |
| Các người bán khác | 48.423.955.774 | 48.423.955.774 | 43.095.094.307 | 43.095.094.307 |
| | 79.608.480.994 | 79.608.480.994 | 76.279.619.527 | 76.279.619.527 |

(i) Các khoản phải trả quá hạn chưa thanh toán là các khoản phải trả cho các nhà thầu phụ thi công cho các hạng mục của dự án Nhiệt điện Thái Bình 2. Tới thời điểm hiện tại Công ty chưa sắp xếp được nguồn tiền để thanh toán cho các đối tượng này.

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
|---|------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 20.281.469.804 | 4.903.095.231 | 13.960.577.161 | - | 11.223.987.874 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 199.584.417 | - | - | - | 199.584.417 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 1.055.856.350 | 770.692.064 | 66.474.215 | - | 1.760.074.199 |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | - | 72.709.692 | 657.518.823 | 592.748.784 | - | 137.479.731 |
| Các loại thuế khác | - | 655.095.955 | 3.000.000 | 3.000.000 | - | 655.095.955 |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 158.584.716 | - | - | - | 158.584.716 |
| | 199.584.417 | 22.223.716.517 | 6.334.306.118 | 14.622.800.160 | 199.584.417 | 13.935.222.475 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 566.334.247 | 462.518.386 |
| Chi phí thi công công trình | 29.278.367.368 | 21.927.936.122 |
| - Nhà máy lọc dầu Dung Quất | 5.912.000.000 | 5.912.000.000 |
| - Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 | 9.678.420.617 | 2.130.794.340 |
| - Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 | 2.798.702.671 | 200.343.600 |
| - Kho LPG Thị Vải | 4.238.278.628 | 4.238.278.628 |
| - Công trình khác | 6.650.965.452 | 9.446.519.554 |
| Chi phí phải trả khác | 1.372.962.129 | 4.020.991.813 |
| | 31.217.663.744 | 26.411.446.321 |

16 PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| Kinh phí công đoàn | 1.854.074.790 | 1.995.114.514 |
| Bảo hiểm xã hội | 2.443.446.702 | 5.506.726.275 |
| Bảo hiểm y tế | 173.931.026 | 953.324.051 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 96.823.828 | 336.231.003 |
| Cổ tức lợi nhuận phải trả | 55.732.640 | 55.732.640 |
| Phải trả cơ quan bảo hiểm | 3.338.279.316 | 4.118.909.554 |
| Phải trả các Quỹ ủng hộ, Quỹ tương trợ dầu khí | 1.334.818.785 | 1.334.818.785 |
| Các khoản khác | 5.866.593.344 | 5.297.089.144 |
| | 15.163.700.431 | 19.597.945.966 |
| b) Dài hạn | | |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 1.369.763.463 | 998.028.918 |
| | 1.369.763.463 | 998.028.918 |
| c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán | | |
| Bảo hiểm xã hội | 5.781.726.018 | 9.206.362.585 |
| Bảo hiểm y tế | 173.931.026 | 689.412.985 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 96.823.828 | 130.903.714 |
| Cổ tức phải trả | 55.732.640 | 55.732.640 |
| Phải trả các Quỹ ủng hộ, Quỹ tương trợ dầu khí | 1.334.818.785 | 1.334.818.785 |
| | 7.443.032.297 | 11.417.230.709 |
| d) Trong đó: Bên liên quan | | |
| Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 13.000.000 | 13.000.000 |
| | 13.000.000 | 13.000.000 |

Các khoản phải trả quá hạn chưa thanh toán chủ yếu là các khoản phải trả cho cơ quan bảo hiểm các khoản tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, lãi trả chậm. Tới thời điểm hiện tại Công ty chưa sắp xếp được nguồn tiền để thanh toán cho các đối tượng này.

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí
 Số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

17 CÁC KHOẢN VAY

| | | 01/01/2024 | |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | | VND | VND |
| a) | Vay ngắn hạn (i) | | |
| | Vay ngắn hạn | 4.275.612.426 | 4.275.612.426 |
| | Vay và nợ dài hạn đến hạn trả | 214.400.000 | 214.400.000 |
| | | 4.490.012.426 | 4.490.012.426 |
| b) | Vay dài hạn | | |
| | Vay dài hạn | 214.400.000 | 214.400.000 |
| | | 214.400.000 | 214.400.000 |
| | Khoản đến hạn trả trong 12 tháng | (214.400.000) | (214.400.000) |
| | Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | - | - |

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| Trong năm | | 31/12/2024 | |
|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| VND | VND | VND | VND |
| 9.033.000.000 | 1.795.612.426 | 11.513.000.000 | 11.513.000.000 |
| - | 214.400.000 | - | - |
| 9.033.000.000 | 2.010.012.426 | 11.513.000.000 | 11.513.000.000 |
| - | 214.400.000 | - | - |
| - | 214.400.000 | - | - |
| (214.400.000) | | | |
| | | | |

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Thời hạn vay | Ngày đáo hạn | Mục đích vay | Hình thức bảo đảm | 31/12/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|---|-----------|-------------------|--------------|--------------|----------------------------------|-------------------|-----------------------|----------------------|
| Vay ngắn hạn | | | | | | | 11.513.000.000 | 4.275.612.426 |
| Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu | VND | Theo từng khế ước | 1 năm | Năm 2024 | Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh | Thế chấp (*) | - | 1.705.612.426 |
| Vay các cá nhân | VND | 0,00% | 1 năm | Năm 2025 | Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh | Tín chấp | 10.613.000.000 | 1.670.000.000 |
| Vay các cá nhân | VND | 12,00% | 1 năm | Năm 2025 | Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh | Tín chấp | 900.000.000 | 900.000.000 |
| Vay và nợ dài hạn đến hạn trả | | | | | | | - | 214.400.000 |
| Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu | VND | 11,00% | 7 năm | 29/06/2024 | Đầu tư mua máy móc thiết bị | Thế chấp (*) | - | 214.400.000 |
| | | | | | | | 11.513.000.000 | 4.490.012.426 |

(*) Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí
Số 35G đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND |
|----------------------|----------------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 200.000.000.000 |
| Lãi trong năm trước | |
| Số dư cuối năm trước | <u>200.000.000.000</u> |
| Số dư đầu năm nay | 200.000.000.000 |
| Lãi trong năm nay | |
| Số dư cuối năm nay | <u>200.000.000.000</u> |

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|-------------------------|--------------------------|------------------------------------|---------------------------------|
| VND | VND | VND | VND |
| 150.826.415 | 14.984.594.051 | (161.600.789.180) 1.011.683.206 | 53.534.631.286 1.011.683.206 |
| <u>150.826.415</u> | <u>14.984.594.051</u> | <u>(160.589.105.974)</u> | <u>54.546.314.492</u> |
| 150.826.415 | 14.984.594.051 | (160.589.105.974) 1.220.806.677 | 54.546.314.492 1.220.806.677 |
| <u>150.826.415</u> | <u>14.984.594.051</u> | <u>(159.368.299.297)</u> | <u>55.767.121.169</u> |

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | 31/12/2024 VND | Tỷ lệ | 01/01/2024 VND | Tỷ lệ |
|---|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 102.000.000.000 | 51,00% | 102.000.000.000 | 51,00% |
| Các cổ đông khác | 98.000.000.000 | 49,00% | 98.000.000.000 | 49,00% |
| | 200.000.000.000 | 100% | 200.000.000.000 | 100% |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| - Vốn góp đầu năm | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| - Vốn góp cuối năm | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận: | | |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm | 55.732.640 | 55.732.640 |
| - Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm | 55.732.640 | 55.732.640 |

d) Cổ phiếu

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu | | |

e) Các quỹ của công ty

| | 31/12/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 14.984.594.051 | 14.984.594.051 |
| | 14.984.594.051 | 14.984.594.051 |

19 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngoại tệ các loại

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|-----|------------|------------|
| USD | 492,37 | 492,37 |

20 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|--|------------------------|-----------------------|
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 95.848.951.746 | 97.655.270.272 |
| Doanh thu khác | 4.291.542.639 | 1.959.284.810 |
| | 100.140.494.385 | 99.614.555.082 |
| Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31) | 95.848.951.746 | 97.840.370.952 |

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn hợp đồng xây dựng | 83.214.534.452 | 82.397.632.089 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 4.971.448.909 | (7.746.248) |
| Giá vốn khác | 1.242.422.748 | 381.982.351 |
| | 89.428.406.109 | 82.771.868.192 |

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|----------------------------|-------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 29.179.178 | 103.856.729 |
| | 29.179.178 | 103.856.729 |

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|--------------|--------------------|--------------------|
| Lãi tiền vay | 157.677.094 | 861.255.518 |
| | 157.677.094 | 861.255.518 |

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|--|----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân công | 5.962.620.559 | 6.579.675.514 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng | 91.309.817 | 79.876.000 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 443.971.428 | 1.423.953.074 |
| Thuế, phí và lệ phí | 678.840.018 | 290.046.932 |
| Chi phí dự phòng | - | 39.776.608 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.119.827.949 | 2.544.574.789 |
| Chi phí khác bằng tiền | 566.261.219 | 789.488.649 |
| | 9.862.830.990 | 11.747.391.566 |
| Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31) | 420.637.199 | 874.584.897 |

25 THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Thu từ thanh lý hợp đồng chuyển nhượng tài sản (i) | - | 4.842.228.728 |
| Thu thanh lý công cụ dụng cụ | 523.012.727 | - |
| Tiền phạt thu được | 408.250.000 | - |
| Thu nhập từ xử lý nợ không phải trả | 2.293.635.118 | - |
| Thu nhập khác | 6.765.010 | 5.600.733 |
| | 3.231.662.855 | 4.847.829.461 |

(i) Trong năm 2023, Công ty đã thanh lý hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 35D đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu từ Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC - IC) theo biên bản thanh lý hợp đồng số 21/2016/HĐDV-CNDD-BQLDA.ĐT ngày 17/01/2023 đồng thời ghi nhận khoản thu nhập khác là 4,8 tỷ VND và chi phí khác là 2,9 tỷ VND (xem thuyết minh 26).

26 CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Các khoản bị phạt | 2.729.450.208 | 4.672.827.660 |
| Chi phí khác từ thanh lý hợp đồng chuyển nhượng tài sản (i) | - | 2.908.943.070 |
| Các khoản khác | 2.165.340 | 592.272.060 |
| | 2.731.615.548 | 8.174.042.790 |

(i) Giá trị mà công ty phải bồi thường do sử dụng dịch vụ tại địa chỉ 35D đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu căn cứ theo biên bản thanh lý hợp đồng số 21/2016/HĐDV-CNDD-BQLDA.ĐT ngày 17/01/2023 (xem thuyết minh 25).

27 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN | 1.220.806.677 | 1.011.683.206 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 2.729.450.208 | 7.581.770.730 |
| - Các khoản bị phạt | 2.729.450.208 | 7.581.770.730 |
| Thu nhập chịu thuế TNDN | 3.950.256.885 | 8.593.453.936 |
| Chuyển lỗ các năm trước | (3.950.256.885) | (8.593.453.936) |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%) | - | - |
| Thuế TNDN phải nộp đầu năm | (199.584.417) | (199.584.417) |
| Thuế TNDN đã nộp trong năm | - | - |
| Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm | (199.584.417) | (199.584.417) |

28 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | 1.220.806.677 | 1.011.683.206 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | 1.220.806.677 | 1.011.683.206 |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 61 | 51 |

Công ty chưa có dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành trên lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 13.810.472.174 | 1.351.481.948 |
| Chi phí nhân công | 38.398.523.854 | 52.667.895.599 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng | 124.934.253 | 79.876.000 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.783.033.979 | 2.091.775.150 |
| Thuế, phí và lệ phí | 736.790.018 | 290.046.932 |
| Chi phí dự phòng | - | 39.776.608 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 48.969.595.616 | 13.332.338.832 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.486.846.797 | 1.433.146.456 |
| Tổng chi phí sản xuất kinh doanh | 105.310.196.691 | 71.286.337.525 |

30 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

31 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam | Công ty mẹ |
| Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí | Thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí | Thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình | Thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn | Thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Dầu khí Đồng Đô | Thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí | Thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí | Thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội | Thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn | Thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải | Thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa | Thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung | Thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Khách sạn Lam Kinh | Thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An | Thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí | Thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC | Thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí | Thành viên cùng Tập đoàn |
| Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Công ty | Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty |

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Bán hàng, cung cấp dịch vụ | 95.848.951.746 | 97.840.370.952 |
| Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 95.848.951.746 | 97.840.370.952 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 420.637.199 | 874.584.897 |
| Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí | 420.637.199 | 874.584.897 |


Thu nhập của người quản lý chủ chốt, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

| | Chức vụ | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|----------------------|--|-----------------|-----------------|
| Ông Hồ Sỹ Hoàng | Chủ tịch HĐQT | 269.828.349 | 216.684.092 |
| Ông Nguyễn Hoài Nam | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/04/2023) | - | 25.500.000 |
| Ông Lê Hưng | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 21/05/2024) | 21.000.000 | 55.500.000 |
| Ông Trần Vũ Phương | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 21/05/2024) | 79.090.547 | 207.809.210 |
| Ông Phạm Văn Thu | Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 11/01/2024) | 350.832.161 | - |
| Ông Hoàng Ngọc Triều | Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 21/05/2024) | 21.000.000 | - |
| Ông Mai Đình Bảo | Phó Giám đốc | 240.625.712 | 186.188.717 |
| Ông Vũ Đức Long | Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 21/09/2023) | - | 113.923.848 |
| Ông Huỳnh Đình Việt | Phó Giám đốc | 225.689.704 | 172.390.182 |
| Bà Nguyễn Thị Phương | Trưởng Ban Kiểm soát | 212.611.446 | 169.417.427 |
| Ông Nguyễn Mậu Thợ | Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 21/05/2024) | 108.469.973 | 124.327.817 |
| Bà Vũ Thị Châm | Thành viên Ban Kiểm soát | 21.600.000 | 25.500.000 |
| Ông Lê Trung Can | Thành viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 21/05/2024) | 97.622.976 | - |


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

32 SỞ LIỆU SO SÁNH

Sở liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Đặng Thị Ngọc
Người lập biểu


Đàm Quang Hưng
Phụ trách Phòng TC - KT


Phạm Văn Thu
Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 27 tháng 03 năm 2025